

SỐ 1778

## DUY-MA KINH LƯỢC SỚ

*Thiên thai, Sa-môn Trạm Nhiên lược.*

### LỜI TỰA KINH DUY-MA LƯỢC SỚ

Sớ văn này là do vua Tùy Dạng Đế thỉnh ngài Thiên Thai Trí Giả Đại sư nói ra, dùng làm pháp tâm yếu. Văn ghi chép đầy đủ trong Quốc Thanh Bách Lục, vua sai người hầu theo đó ghi chép tâu lại. Nhưng từ sau phẩm Phật Đạo thì ngài Chương An ghi tiếp. Lúc đầu văn do người hầu nghe giảng ghi lại nên rất dài dòng. Có những đạo tục đọc thấy chỗ sâu sắc rất hâm mộ nhưng đều bảo văn quá rườm. Tôi bèn từ bài ghi chép đó mà bỏ lời dài dòng, chỉ giữ lại các nghĩa, khiến bài văn rõ ràng không trái ý xưa của tiên sư. Nhưng luôn tự xét mình ngu kém e làm mất ý chỉ, bèn thường ở trước tháp đường Đại sư đốt hương khẩn nguyện, nếu có mảy may điều chi làm tổn hại đại đạo thì xin linh ứng chỉ bày cho. Gần hai tuần việc tu sửa đã xong mà vẫn không bị thâm trách, phải chăng các ngài đã ngầm hỗ trợ để tông chỉ này được sáng mãi với hậu côn? Kính nhờ các bậc Đạt nhân sẵn lòng tha thứ.

---

# DUY-MA KINH LƯỢC SỚ

## QUYỂN 1

### GIẢI THÍCH PHẨM: PHẬT QUỐC

(Phần 1)

Giải thích văn kinh đại lược có năm ý:

- 1- Nói kinh độ bất tận.
- 2- Tóm lược chia văn.
- 3- Luận nghĩa Phật quốc.
- 4- Giải thích phẩm.
- 5- Chính thức giải thích văn.

#### I. KINH ĐỘ BẤT TẬN:

Trước sau kinh này có năm bản dịch khác nhau nay chỉ giải thích một bản của ngài La-thập để tìm hiểu văn nghĩa. Ở Tây Vực còn nhiều bản khác, do đâu mà biết? Như sai mười người đệ tử đến thăm ngài Duy-ma rồi năm trăm cho đến tám ngàn ai cũng từ chối không kham nổi. Nói lý không kham để khỏi đến thăm. Suy đây mà luận thì kinh này có rất nhiều quyển. Lại như việc ngài Văn-thù vào thất để truyền ý chỉ của Như Lai, ngài vô cùng ân cần đến cả tám ngàn Bồ-tát mà mỗi vị ngài đều nói pháp Nhập môn. Những lời lẽ luận bàn này đâu thể chỉ có nửa quyển. Rồi ngài ra thất đến Am-la viên để phô bày nghĩa Phật quốc, lúc đó lại đối đáp luận bàn cao xa thì ý kinh văn há chỉ chứa trong mấy tờ giấy nhỏ? Bèn cho là nhân dân ở nước Chấn Đán thần trí thấp kém không đủ sức đọc tụng thọ trì đầy đủ kinh ấy mà cắt bớt chỗ nhiều lời, tóm tắt cương yếu vẫn giữ nguyên nghĩa mà truyền vào cõi này.

Hỏi: Văn kinh này ở Tây Vực rất rộng lớn đâu không phải là Đại luận nói về kinh Bất Tư nghị mà Đức Phật đã nói, có mười vạn bài kệ chăng?

Đáp: Có người nói thế, nay bảo không phải vậy. Bởi Đại luận nói về kinh Bất Tư nghị là tên khác của kinh Hoa Nghiêm. Cho nên luận

rằng Bát-nhã có hai thứ: Một là, cùng nói chung với hàng Nhị thừa; hai là, không cùng nói chung với hàng Nhị thừa. Không cùng nói chung là như kinh Bát Tư nghị này. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói kinh này không trao vào tay người Nhị thừa. Cùng nói, tức như kinh Ma-ha Bát-nhã và các kinh Phương đẳng.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm đâu được gọi là Bát Tư nghị, kinh này một tên là Bát Khả Tư nghị Giải Thoát, vì sao lại nói là Không phải?

Đáp: Kinh này đã có hai tên, vậy kinh Hoa Nghiêm sao không có tên khác. Song xét kỹ thì Đại luận trước sau dẫn kinh Bát Tư nghị đều nói là Hoa Nghiêm cả. Âu-xá-na Ưu-bà-di nói cho Tu-đạt-na Bồ-tát về số lượng chúng sinh độ được, chính là kinh Hoa Nghiêm nói về việc đã nghe của Thiện Tài nhập pháp giới, nếu dẫn kinh này thì gọi là Tỳ-ma-la-cật Sở thuyết.

## II. CHIA VĂN KINH: Có hai phần:

- Nói các Sư xưa nay.
- Nói về một nhà.

### 1. Nói về các Sư:

Ngài La-thập, Đạo Sinh và các sư xưa không chia các khoa đoạn, cứ đi thẳng vào văn mà giải thích. Nhưng ngài Tăng Triệu nói: “Bắt đầu từ Tịnh Độ, chấm dứt ở Pháp Cúng Dường, còn khoảng giữa tuy nói khác nhưng vẫn là một bát tư nghị.” Vậy thì từ Bảo Tích đặt câu hỏi trở về trước là tựa, một phẩm Chúc Lụy là phần Lưu thông, đoạn giữa còn lại là phần Chánh thuyết.

- Ngài Linh Vị Tiểu Lượng nói rằng: “Tên của kinh này là Tịnh Danh Sở thuyết, từ phẩm Phương Tiện đều là phần Chánh thuyết.”

Sư Khai Thiện thì phân làm bốn: “Một là tựa, tức trọn phẩm Bồ-tát; hai là chánh thuyết, tức sáu phẩm trung thất; ba là Chứng thành, tức hai phẩm Bồ-tát hạnh và A-bệ Phậ; bốn là Lưu thông, tức hai phẩm Pháp Cúng Dường và Chúc Lụy.”

Như ngài Trang Nghiêm Quang Trạch thì cùng dùng bốn phẩm đầu làm phần tựa, sáu phẩm nhập thất làm Chánh thuyết, bốn phẩm sau làm phần Lưu thông. Về sau thì Tam Luận Sư cũng theo cách chia này. Còn các Luận sư phương Bắc thì lấy phẩm Phậ Quốc làm phần Tựa. Phẩm Phương Tiện đến A-bệ Phậ mười một phẩm, làm Chánh thuyết và hai phẩm sau làm phần Lưu thông. Nhưng xưa nay không giống nhau về việc phân biệt, kể nối truyền đều theo tông môn mình. Các Thiền sư thấy việc phân biệt này gây nhiều tranh cãi nên không phân chia khoa

tiết chỉ căn cứ vào quán môn mà nói thẳng vào đạo.

## 2. Nói các nhà thời nay:

Nếu không phân chia khoa đoạn thì không biết được khởi đầu và chấm dứt việc thừa tiếp Phật giáo. Còn nếu chia khoa đoạn thì chấp chặt và tranh cãi, mà đối với pháp giải thoát nẩy sinh hệ lụy. Nay muốn tìm ý thú kinh thì phải y vào kinh mà chia khoa đoạn nhưng không cố chấp. Phàm khi Phật nói pháp tuy nói có nhiều mối nhưng trước, giữa, sau đều khéo bày văn nghĩa đầy đủ.

Nay căn cứ vào ba thứ đối nhau mà chia ba như tựa... nhưng vẫn đủ ba ý:

- a- Chánh thức phân kinh.
- b- Xét theo quán tâm.
- c -Các nhà khác nhau.

**a. Phân kinh:** Kinh không luận dài ngắn đều phân thành ba phần:

- Phần tựa.
- Phần chánh thuyết.
- Phần lưu thông.

### - Phần tựa:

Khi Đức Phật muốn nói pháp trước hết hiện ra các tướng lành để biểu hiện nguyên cơ cho việc thuyết giảng. Như muốn nói về Đại phẩm thì Ngài phóng ánh sáng đủ các tạp sắc là biểu hiện nói về Bát-nhã để dẫn đạo các hạnh, muốn nói kinh Pháp Hoa thì phóng quang ở giữa chạng mây, là biểu hiện nói về trung đạo thật tướng. Nay kinh Duy-ma này hợp lộng hiện cõi nước là biểu hiện nói về nhân quả Phật quốc độ. Có nguyên cơ không đồng chính là để tiêu biểu cho giáo môn trong việc ứng cơ có khác, khơi dậy cái tình của quần sinh khiến họ cùng tin, kính mến mộ, nương về với tông chủ hiện có, nên gọi là tựa.

### - Phần chánh thuyết:

Khi bốn chúng thấy tướng lành hiện ra thì đều vui mừng chịu nghe Thánh chỉ “ý Phật”, Đức Phật biết rõ thời và cơ mà thuyết giáo thì chúng lúc đó nghe kinh đều được lợi ích của pháp mầu nên gọi là chánh thuyết.

### - Phần lưu thông:

Lưu là dòng nước chảy thấm xuống. Thông tức không bị ngăn trở. Đức Như Lai đại từ bình đẳng nói pháp Không phải chỉ cho người ở hiện tại mà muốn khắp đủ cho các hữu tình ở cả ba đời chánh, tượng, mạt. Ai có duyên đều được thấm nhuần diệu pháp, như dòng nước pháp chảy

rót vô cùng, tất cả đều thấm ướt nên gọi là lưu thông.

Nay chia ra ba phần, phần một từ “Như thị ngã văn...” đến hết phần kệ bảy chữ, là đủ hai phần Tựa chung riêng, đối với chánh thuyết thì nguyên có đã đầy đủ nên gọi là phần tựa. Phần hai từ “ngài Bảo Tích hỏi về nhân quả cõi Phật...” đến hết phần A-bệ Phật gồm mười một phẩm rưỡi, đều nói về nhân quả Phật quốc bất tư nghị giải thoát, đều là giáo pháp ứng cơ. Lợi ích khắp người hiện tại, đó là phần chánh thuyết. Phần ba từ “Pháp cúng dường” đến hết phần “Chúc lụy” là nói Thiên đế phát nguyện hoàng kinh. Đức Như Lai ẩn khả khuyến khích dặn dò Thiên đế suốt cả vị lai nên giúp truyền bá mãi không dứt. Đây đều là Chúc lụy lưu thông.

Hỏi: Kinh này tên là Duy-ma-cật Sở thuyết, vì sao lại được từ “Phật quốc” làm chánh?

Đáp: Ngài Tịnh Danh nương oai thần của Phật giúp Phật hoàng hóa, hóa đạo có công hiệu nên từ đó mà được khen. Cũng như quốc vương sai quan đại thần khắp trị, việc khắp trị có công hiệu nên đại thần được thưởng. Chủ quyền hành là quốc vương, có công danh dự mà đại thần được khen, thì không thể nói đại thần được khen thưởng mà đại thần là chính thức, vua dù quyền hành chính thức vẫn đứng một bên. Ngài Tịnh Danh được Phật ẩn khả bèn là chính thức nên gọi là Duy-ma-cật Sở thuyết kinh.

**b. Xét theo quán tâm:**

y cứ theo ba quán làm ba phần: Hai quán phương tiện tức là tựa, được vào trung đạo tức là chánh thuyết, cùng chiếu hai đế các tâm đều vắng lặng tự nhiên lưu nhập vào tức là lưu thông.

**c. Chọn lựa các nhà khác:**

Hỏi: Sao không theo ngài La-thập và các Thiên sư không phân chia khoa đoạn?

Đáp: Nếu luận về Quán hạnh thật không cần phải phân chia. Nay muốn các học giả biết văn có khởi đầu và chấm dứt, biết lời nói của bậc Thánh khéo léo nói ra có thứ tự. Nếu giải thích văn thông suốt thì Quán hạnh càng biết rõ ràng.

Hỏi: Vì sao không dùng toàn phần chú thích của ngài Tăng Triệu?

Đáp: Vì pháp cúng dường cho là phần chánh thuyết thì không đúng.

Hỏi: Vì sao không theo cách của ngài Linh Vị?

Đáp: Cho phẩm Phật Quốc là tựa thì cũng không đúng.

Tại sao Phật là Đấng Pháp vương, Đạo vương nói các việc ở tam thiên mà không phải là chánh thuyết?

Chỉ vì ngài Bảo Tích thỉnh hỏi được Phật đáp lại, đáp ứng cơ duyên này nói về nhân quả Phật quốc, chúng nghe kinh lúc đó được ít nhiều lợi ích há lại tách ra làm lời tựa được ư? Vả lại ngài Tịnh Danh giúp Phật hoằng hóa chính được khen là giúp thành giáo pháp của Phật, đâu thể xem lời trợ thuyết của đệ tử là chánh còn lời của Đại sư lại là tựa ư?

Hỏi: Vì sao không theo cách của ngài Khai Thiện?

Đáp: Kinh không luận dài ngắn, lớn nhỏ đều phân làm ba phần, thì sao riêng kinh này lại được phân làm bốn?

Hỏi: Vì sao không theo cách của ngài Trang Nghiêm Quang Trạch và các sư Tam luận?

Đáp: Nếu dùng Phật quốc làm tựa thì có phương hại như trước đã nói. Lại dùng phẩm Bồ-tát hạnh A-bệ Phật làm phần lưu thông thì e không đúng.

Vì sao ngài Tịnh Danh lấy tay nâng đại chúng trở về Am-la viên, đối trước Phật được ấn khả, rồi vào thất nói ra mới được thành kinh. Lại Phật trở về ở trước ngài Tịnh Danh mà luận rõ về nhân quả Phật quốc tóm tắt kinh trước sau, tông chỉ rõ ràng, đại chúng được lợi ích. Phải qua việc trong thất mà nói thì đây mới là chánh thuyết, đâu thể bảo là lưu thông.

Hỏi: Vì sao không theo cách của các sư Đại thừa ở phương Bắc?

Đáp: Lấy phẩm Phật Quốc làm tựa thì cũng phương hại như trước nói.

### III. GIẢI THÍCH NGHĨA PHẬT QUỐC:

Đây nói trưởng giả Bảo Tích hỏi về nhân quả Phật quốc, Đức Thế Tôn đáp đầy đủ, ngài Thân tử sinh nghi. Đức Phật dùng thần lực hiện tướng Tịnh độ. Lúc đó đại chúng đều được lợi ích Đại thừa. Khi hiện lại cõi uế thì chúng cầu Thanh văn được đạo Tiểu thừa. Căn cứ vào đó mà đặt tên nên gọi là phẩm Phật Quốc. Kinh này đã dùng Phật quốc làm tông, tất phải nói rõ về nghĩa Phật quốc. Nay tóm tắt có tám điều:

1. Nói chung về Phật quốc.
2. Nói riêng về Phật quốc.
3. Nói về tu nhân Phật quốc.
4. Nói thấy Phật quốc không giống nhau.
5. Nói về vãng sinh.

6. Nói về giáo.
7. Ước quán tâm.
8. Dùng nghĩa Phật quốc mà giải thích chung về kinh này.

**1. Nói chung về Phật quốc:**

Trước nói phổ cập và các kinh Phương đẳng phần nhiều nói về chánh báo. Nay nhân Bảo Tích dâng lọng, Như Lai hạp lọng, hiện ra cõi nước tức biểu thị muốn nói về y báo. Vì sao chánh báo đã hiển hiện lại phải nói rộng về y báo. Như nói vua của dân tất phải biết về cõi nước và việc cai trị. Nói Phật quốc là nơi Phật ở nên gọi là Phật quốc. Cũng như vương quốc tuy là thần dân cùng ở nhưng từ vua mà có tên là vương quốc gì. Nay Phật tuy cùng kẻ có duyên cùng ở, nhưng do Phật mà có tên là Phật quốc gì. Nơi thân Phật nương tựa thì gọi là cõi Phật. Phật ở trong phần giới nào thì gọi đó là thế giới Phật. Nơi Đức Phật ở có muôn cảnh không giống nhau thì gọi là sát.

Song “Quốc” có lý và sự. Về sự tức là cõi của ứng thân, về lý tức là cảnh của cực trí chiếu sáng. Mà chí lý hư tịch vốn không có cảnh và trí khác nhau, sao lại còn có khác nhau của năng sở. Chỉ vì tùy cơ ứng vật mà nói là có chân có ứng, nên cần phải nói rõ về lý và sự. Song nếu không có bản thì không thể hiện tích. Cho nên có ứng thân và ứng độ. Vì không có tích nào không hiển bày bản, nên phải dẫn vật đồng quy về chân quốc pháp thân. Cho nên văn kinh nói: “Tuy biết các cõi Phật vắng bặt hẳn như hư không, nhưng hiện ra nhiều thứ cõi Phật thanh tịnh, tất ứng đồng phạm Thánh mà hiện ra có bờ cõi lãnh thổ.” Quả báo phạm Thánh có cao thấp khác nhau nên cõi hiện ra có uế tịnh cũng thế. Nên kinh Anh Lạc nói: “Tùy theo tất cả chúng sinh ứng mà có tất cả quốc độ ứng.” Hoặc có nơi giải thích chữ ứng quốc là do tập nghiệp của chúng sinh chiêu cảm mà có cõi nước ấy. Cho nên văn kinh có nói: “Loại chúng sinh là tịnh độ của Bồ-tát, Thánh nhân từ bi hiện sinh đến đấy”. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: “Mà sinh ra ba quả trong nhà lửa rã mục, vì độ chúng sinh mà sinh ra sinh, lão, bệnh, tử.” Có nơi nói rằng: “Pháp thân chư Phật cũng như một tấm gương sáng, tất cả hình sắc đều hiện trong đó”. Thế thì tất cả Quốc độ cũng đều từ Pháp thân bản quốc ứng hiện ra. Quốc do thân Phật nên nói là Phật quốc. Nên kinh Pháp Hoa có nói: “Nay ba cõi này đều là ta có, chúng sinh trong ấy tất cả đều là con ta.” Nay biết rõ lời này như nói ứng quốc đều từ pháp thân hiện ra, tức là tự sinh, nếu từ chúng sinh tức là tha sinh, chúng sinh đối với Phật tức là cộng sinh, nếu lìa chúng sinh lìa Phật tức là Không nhân. Đâu mà có cõi này, đều là nghĩa đọa tánh, đây cần phải phá bỏ. Phải

biết rằng quốc độ hoặc tịnh hoặc uế, đều không thể nói. Vì có nhân duyên mà có thể nói Tất-đàn ứng cơ đều nói được.

## **2. Nói riêng về Phật quốc:**

Chư Phật làm lợi ích chúng sinh tướng khác nhau vô lượng, biên không. Nay tóm tắt có bốn:

Một là, cõi nhiễm tịnh phàm Thánh cùng ở.

Hai là, cõi các bậc hữu dư phương tiện ở.

Ba là, cõi quả báo thuần pháp thân ở, tức cõi Nhân-đà-la Vãng không chướng ngại.

Bốn là, cõi Thường tịch quang tức bậc Diệu giác ở.

Hai cõi trước là ứng, tức Ứng thân Phật ở. Còn cõi thứ ba là cũng ứng cũng báo, tức Báo thân Phật ở. Riêng cõi sau chót là Chân tịnh, không ứng không báo, tức Pháp thân ở.

a. Nói về cõi nhiễm tịnh thì có chín đạo cùng chung ở, đó là sáu đạo như uế nên gọi là nhiễm, còn ba thừa thấy chân đế nên gọi là tịnh. Vì tam thừa lục đạo cùng ở, nên gọi là nhiễm tịnh. Cũng gọi là cõi nước phàm Thánh đồng cư. Về cõi nhiễm tịnh thì phàm Thánh đều có:

Hai thứ phàm cư: Một là, ác chúng sinh tức là bốn ác thú; hai là thiên chúng sinh, tức là trời và người

Hai thứ Thánh cư: Một là, thật; hai là, quyền.

Thật Thánh là Tứ quả và Bích-chi-Phật, sáu địa của Thông giáo, thập trụ của Biệt giáo, Thập tín hậu tâm của Viên giáo, các thông hoặc tuy dứt mà báo thân vẫn còn ở.

Quyền Thánh là bậc Tam thừa phương tiện hữu dư, thọ thân thiên chân pháp tánh, vì lợi ích cho những kẻ có duyên mà nguyện sinh cõi Đồng cư. Như thật báo và Tịnh quang pháp thân. Đại sĩ và Diệu giác Phật, vì lợi ích những kẻ có duyên mà ứng sinh cõi Đồng cư, đều là quyền cả. Đó là những Thánh nhân cùng phàm phu đồng cư nên gọi là phàm Thánh đồng cư. Vì có bốn ác thú cùng ở nên gọi là cõi uế.

Nói về Tịnh độ đồng cư: Cõi nước của Đức Vô Lượng Thọ, tuy quả báo thù thắng khó thể so sánh nhưng cũng là nhiễm tịnh phàm Thánh đồng cư. Bởi tuy không có bốn ác thú mà có hàng trời, người. Vì sao biết? Vì người sinh về cõi đó chưa hẳn đều là người được đạo. Vì trong kinh có nói: Người phạm trọng tội khi lâm chung biết sám hối niệm Phật thì nghiệp chướng liền chuyển mà được vãng sinh. Nếu chỉ có bậc Thánh sinh thì phàm phu sao được nguyện sinh về cõi đó. Cho nên biết tuy còn đầy đủ hoặc nhiễm, nhưng do nguyện lực trì tâm nên cũng được ở. Còn Thánh sinh do quyền thật thì như trước nên biết. Chỉ



vì không có bốn ác thú nên gọi là Tịnh độ.

Nêu các loại vãng sinh này thì biết đồng ở trong một nước mà hơn kém nhiều loại không phải một. Tuy lại uestịnh nhiều thứ, như kinh pháp trao lời ký cho đệ tử về cõi nước sẽ ở. Tóm lại mà nói thì đều thuộc về cõi Phạm Thánh đồng cư.

Hỏi: Tên nước nhiễm tịnh xuất phát từ kinh luận nào?

Đáp: Tư Ích luận có nói: Đức Phật Nhật Nguyệt Quang sai Phạm thiên đến cõi nước này bảo rằng: “Người nên đem mười pháp đạo chơi thế giới ấy. Cõi Ta-bà gọi là thế giới Nhiễm tịnh. Nhiễm tức là phàm, tịnh tức là Thánh.

Hỏi: Thập ác ở cõi uestchiêu cảm y chánh báo bốn thú đều là uestđúng rồi, nhưng quả thập thiện ở tịnh độ nhân đồng vì sao lại được y chánh báo nhanh chóng khác biệt?

Đáp: Hai chỗ tu nhân thiện tuy đồng tên nhau nhưng tu thiện Tịnh độ thì tinh vi hơn, nên ở cõi đó y chánh báo mà Thánh phàm có được không giống như ở cõi uest.

b. Nói về cõi Hữu dư:

Là chỗ ở của Nhị thừa và ba thứ Bồ-tát chứng đạo phương tiện. Vì nếu tu hai quán dứt hết các thông hoặc, nhưng hằng sa các hoặc riêng và vô minh chưa dứt hết, nên bỏ thân phần đoạn mà sinh vào ngoại giới, thọ thân pháp tánh tức ở cõi có biến dịch gọi là cõi Hữu dư, cũng gọi là Phương tiện, tức nơi ở của người làm phương tiện. Cho nên bảy thứ sinh tử ở nhiếp Đại thừa thì đây là sinh tử phương tiện thứ tư vậy.

c. Nói về cõi quả báo:

Tức là Nhân-đà-la võng, là thế giới Hoa tạng chỉ thuần là các pháp thân Bồ-tát ở đó, vì họ quán Nhất thật đế phá tan vô minh, hiển bày Pháp tánh, được quả báo chân thật, nhưng vô minh chưa dứt hết mà thắm nhuần nghiệp vô lậu, thọ báo thân pháp tánh. Báo thân ở vào y báo tịnh quốc nên gọi là cõi nước quả báo. Vì quán thật tướng phát ra các chân vô lậu mà được quả báo nên gọi là thật. Họ tu nhân vô định sắc được tâm vô ngại nên cũng gọi là cõi nước Thật báo vô chướng ngại. Nói không chướng ngại tức là nói một thế giới thu nhiếp tất cả thế giới cũng như thế. Đó gọi là thế giới hải, cũng gọi là thế giới Vô tâm tạng. Sơ địa của Biệt giáo vào thế giới này có bảy nghĩa tịnh:

1. Đồng thể tịnh, như một tức tất cả, tất cả tức một.

2. Tự tại tịnh, là tất cả cõi nước đều bình đẳng thanh tịnh.

3. Trang nghiêm tịnh, tất cả các cõi Phật đều thần thông trang nghiêm.

4. Thọ dụng tịnh, tức lia tất cả hoặc mà thành đạo thanh tịnh.
5. Trụ xứ tịnh, các chúng sinh đại trí đều đầy khắp ở cõi ấy.
6. Nhân tịnh, vào cõi Phật diệu bình đẳng cảnh giới.
7. Quả tịnh, tức tùy cơ thích hợp mà thị hiện.

Năm thứ trước là thể đầy đủ, có thể tướng dụng, cái thứ sáu là nhân viên, cái thứ bảy là quả mãn. Người sơ trụ sinh về cõi này đều thành tựu được bảy tịnh đó.

Hỏi: Điều này xuất phát từ kinh luận nào?

Đáp: Kinh Nhân Vương có nói: “Tam hiền, thập Thánh trụ ở quả báo. Phải biết quả báo tức là cõi này vậy.” Kinh Pháp Hoa nói: “Thế giới Ta-bà bằng phẳng thẳng thắn, các Bồ-tát đều ở đó.” Đại Luận cũng nói: “Thân Phật pháp tánh nói pháp cho các pháp thân Bồ-tát, nước ấy không có tiếng Thanh văn và Bích-chi-Phật.” Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thế giới Nhân-đà-la vông”. Nhiếp Đại Thừa nói: “Thế giới Hoa vương”, đều là nói cõi quả báo không có tướng chướng ngại đó.

d. Nói về cõi Tịnh quang:

Tức là lý diệu giác cực trí chiếu soi pháp giới Như Lai là gọi về cõi ấy. Chỉ là Đại thừa pháp tánh tức là Chân tịch trí tánh không giống như lý thiên chân của Nhị thừa, nên kinh Niết-bàn nói: “Đệ nhất nghĩa không tên là trí tuệ.” Kinh này lại nói: “Nếu biết tánh vô minh tức là minh”, như thế đều là nghĩa Thường tịch quang. Vì bất tư nghị cực trí ở đó nên gọi là Tịch quang, cũng gọi là cõi pháp tánh. Nhưng chân như Phật tánh không thân không cõi mà nói thân cõi, lia thân không có cõi, lia cõi không có thân. Gọi đó là cõi, vì một pháp mà hai nghĩa. Nên Kim Cang Bát-nhã luận có nói:

*Trí tập chỉ thức thông*

*Như thế là Tịnh độ.*

*Không hình, đệ nhất thể*

*Không trang nghiêm” mà) trang nghiêm.*

Hỏi: Điều đó xuất phát từ kinh luận nào?

Đáp: Kinh Nhân Vương nói: Chỉ duy nhất có Phật ở Tịnh độ. Kinh Duy-ma này nói: Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Rốt ráo của tâm tịnh, tột cùng là Phật vậy. Phổ Hiền sám cũng nói: “Đức Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na biến khắp tất cả chỗ, chỗ Đức Phật ở gọi là Thường tịch quang.

Hỏi: Các cõi nước này kinh luận nói tản mát, có thể như ở trước nói không thấy đủ bốn cõi cùng nói ở một chỗ.

Đáp: Kinh luận nói việc này vốn không nhiều, người tìm đọc lại

không đầy đủ. Cùng nói cả về bốn cõi đâu chẳng có. Chính như kinh Duy-ma này đáp lời trưởng giả tử là ý đó. Kinh nói: “Tùy việc hóa độ chúng sinh mà nhận lấy cõi Phật, tùy việc điều phục chúng sinh mà lấy cõi Phật, tùy các chúng sinh nên lấy cõi nước nào mà vào trí tuệ Phật, tùy các chúng sinh nên lấy cõi nước nào mà khởi căn Bồ-tát...”. Đối với bốn cõi ấy hoặc rõ ràng hoặc tương tự, tên tuổi khác nhau, ý Phật khó lường. Ở đó ta chỉ đối văn mà giải thích.

Hỏi: Kinh Duy-ma này chưa nói về khai quyền hiển thật, sao được nói về hàng Nhị thừa sinh ở cõi Hữu dư?

Đáp: Kinh nói: “Đức Phật dùng một thứ tiếng diễn nói pháp. Chúng sinh tùy loại mà đều hiểu được” thì có phương hại chi đến việc hiểu ngay của Nhị thừa và Bồ-tát Thông giáo, còn hai giáo Biệt, Viên hiểu ngang dọc cũng không ngại chi.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm nói mười thứ cõi Phật, kinh này nói bốn thứ, vậy có bao gồm hết chăng?

Đáp: Đâu chỉ gồm nhiếp mười độ, cho đến có người bảo kinh nói hai mươi bảy bậc cõi Phật, như cõi Vô lượng thọ là hàng thứ sáu. Nay xem văn thấy nói bốn cõi nhưng đều gồm nhiếp tất cả.

Hỏi: Sao không theo mười độ và hai mươi bảy độ?

Đáp: Chỉ đọc qua một lần muốn đối đủ cả bốn giáo nên khó thấy ý sai lệch.

### **3. Nói về tu nhân Phật quốc:**

Kinh Duy-ma này đâu phải chỉ căn cứ vào quả chánh báo mà nói về cõi nước y báo, mà cũng dựa vào chánh nhân để nói về y nhân. Y nhân tức là nhân Phật quốc. Nên Phật đáp lời Bảo Tích mà căn cứ chiều ngang về mười bảy chánh nhân để nói về y nhân, lại căn cứ chiều dọc về mười ba chánh nhân để nói về y nhân.

Cõi nước có bốn loại, vậy cần nên nói về bốn nhân. Một lần nói bốn giáo là nhân hạnh nguyện của Bồ-tát chiêu cảm được bốn quả Phật. Y nhân cảm được bốn thứ cõi nước, khảo sát tường tận thì không mấy may phương hại. Nay lại nói về bốn nghĩa mà phân biệt.

a. Bồ-tát tu nhân nguyện hạnh ba quyền một thật, thành tựu chúng sinh, hoặc bốn loại chúng sinh chưa dứt hết giới nội duyên tập, hoặc dứt chưa hết nội giới của Bồ-tát. Khi thành Phật, thì bốn thứ chúng sinh đến sinh ở cõi Đồng cư mà tu nhân bốn thứ nguyện hạnh.

b. Bồ-tát tu bốn hạnh quyền thật thành tựu bốn thứ chúng sinh. Bốn thứ chúng sinh này quán phương tiện để dứt hết các kiết nội giới. Bồ-tát ở cõi Hữu dư khi thành Phật thì bốn thứ chúng sinh cùng sinh lên

cõi nước đó mà tu nhân hai giáo Biệt, Viên.

c. Bồ-tát đối với giáo Biệt, Viên mà tu nhân nguyện hạnh, thành tựu hai thứ chúng sinh. Hai thứ chúng sinh lại thường đoạn trừ vô minh. Bồ-tát ở cõi nước quả báo khi thành Phật, chúng sinh Biệt, Viên thành tựu nhân vô lậu thật tướng, đến sinh vào cõi nước ấy đồng tu nhân Viên.

d. Tu Viên mà đoạn trừ nhân nguyện hạnh. Nhân tròn quả mãn chứng vị diệu giác mà ở cõi Thường tịch quang. Chúng sinh có bản chất Viên hoặc tu nhân viên mà nguyện hạnh đã cực Viên thì cũng ở cõi Tịch quang. Mười phương chư Phật trong suốt như hư không, không tăng giảm. Vì thành tựu chúng sinh mà khởi tu nhân bốn cõi nước dẫn bốn thứ chúng sinh đồng ở Phật quốc. Tu nhân nguyện hạnh thành quả Bồ-đề mà đồng ở cõi Tịch quang suốt cả vị lai, như phẩm Thọ Lượng, kinh Pháp Hoa đã nói.

#### **4. Nói về việc thấy Phật quốc không đồng nhau:**

Kinh Duy-ma này nói: “Như các trời cùng có bát báu, tùy phước đức của mình mà sắc cốm có khác.” Còn như luận về cõi Phật thì đều trong suốt như hư không đâu thể thấy khác nhau được. Nếu tướng không thấy mà thấy thì phải đủ mười lần giải thích sắc cốm, cần nên phân biệt.

Hỏi: Kinh nói chư Thiên cùng có bát báu quý, tùy phước đức mình sắc cốm có khác, đây là một chất mà thấy khác hay khác chất mà một thấy?

Đáp: Nên phân ra bốn trường hợp:

a. Khác chất thấy khác. Như Ta-bà và Cực lạc, cõi này thì thấy uế, cõi kia thì thấy tịnh.

b. Khác chất một thấy, như Ta-bà và Cực lạc, cấu tịnh khác chất hàng Biệt, Viên Bồ-tát dùng Thiên nhãn mà nhìn thì thấy chỉ một cõi Hữu dư.

c. Một chất thấy khác, như Thân tử thấy Loa Kế ở cõi Hữu dư đồng cư mà cấu tịnh có khác nhau.

d. Một chất thấy một. Như La-hán, Bích-chi-Phật và ba thứ ý sinh. Cả năm loại này khi kết nội giới đã hết, cùng sinh lên cõi Hữu dư thì thấy không khác.

Hỏi: Sao căn cứ cõi Hữu dư nói là một chất?

Đáp: Tam thừa cùng dùng không nói năng mà hiển phát chân vô lậu, nó chiêu cảm được cõi nước một pháp đồng nhau, nên nói là một chất.

Hỏi: Kinh này thí dụ như chư Thiên đồng có bát báu mà thấy cơm có sắc khác, vậy đây là Không sắc chướng ngại, mà có thấy chướng ngại hay có sắc chướng ngại, có thấy chướng ngại mà khác nhau?

Đáp: Cần phân ra bốn trường hợp:

a. Có sắc chướng ngại có thấy chướng ngại, tức là hai cõi nhiễm tịnh và hữu dư không đồng nhau.

b. Có sắc chướng ngại không thấy chướng ngại, tức pháp thân Bồ-tát dùng Thiên nhãn vô ngại thấy nhiễm tịnh và hữu dư đều không chướng ngại.

c. Không sắc chướng ngại có thấy chướng ngại. Tức Nhân-đà-la vọng nhiễm tịnh và hữu dư, hai thứ chúng sinh thấy có chướng ngại.

d. Không sắc chướng ngại không thấy chướng ngại, tức tam hiền, thập Thánh ở cõi quả báo thấy không chướng ngại.

Hỏi: Kinh Duy-ma này nói: “Cùng có bát báu thấy cơm có sắc khác”, thì đây là có chất thấy khác hay không chất thấy khác.

Đáp: Cũng phân ra bốn trường hợp:

a. Nhiễm tịnh, Hữu dư, Thật báo đều có chất mà thấy khác.

b. Sắc có chất ngại, thấy không chất ngại, tức là Bồ-tát nương Phật tuệ mà thấy ba cõi kia đều là Tịch quang.

c. Sắc không chất ngại thấy có chất ngại, tức chúng sinh ba cõi kia đối với Thường tịch quang thấy có khác chất.

d. Sắc không chất ngại thấy không chất ngại, tức là chư Phật tâm tịnh cõi tịnh, thấy cõi Thường tịch quang như như bình đẳng pháp giới không hình không chất. Lược nêu ra mười hai thứ bất đồng, suy ngọn ngành thì vô lượng, tuy có vô lượng nhưng đều như hư không, cho nên không thất của Tịnh Danh là biểu thị cho mười phương cõi Phật đều là hư không.

#### **5. Nói về vãng sinh: Có hai: chung và riêng.**

a. Chung căn cứ bốn cõi nói về vãng sinh, cũng gọi là lai sinh, đầy đủ như trong Đại phẩm. Từ cõi này đến cõi kia gọi là vãng sinh, từ cõi kia đến cõi này gọi là lai sinh. Hai cõi cũng thế chỉ ngang dọc khác nhau thôi. Cõi Thường tịch quang dứt hẳn với sinh nên gọi là Không vãng lai. Ứng lai ở ba cõi nước mà không ứng vãng.

b. Riêng căn cứ bốn cõi nói về vãng sinh: Có bốn thứ:

Một là, cõi nhiễm tịnh nói vãng sinh: Có uế có tịnh.

Nếu ở cõi uế mà thọ sinh là vì kiến tư hoặc. Hoặc thãm nhuần ác nghiệp thì sinh ở bốn ác thú, hoặc thãm nhuần thiện nghiệp thì sinh ở trời, người.

Nếu nói về Tam thừa Thánh nhân vãng sinh thì bậc Sơ quả đã đoạn kiến hoặc mà chưa đoạn chín phẩm Tư Dục, thì thối nhuần sinh cõi nhân thiên, bảy lần trở lại. Bậc Nhị quả, ba phẩm nhuần sinh cõi Dục một lần qua lại. Bậc Tam quả còn tư dục hoặc của hai giới nên thối nhuần sinh của hai giới, sáu địa sau của Thông, thập trụ của Biệt cùng năm phẩm sau của Viên cho đến người ở Thập tín mà thông hoặc chưa hết thì đều thuộc về tam quả. Nên biết đó đều là thật, lai sinh đồng cư độ.

Nếu quyên mà lai sinh thì là hàng Tam thừa Thánh nhân mà nội giới hoặc đã hết, hoặc ở cõi phước tiện mà nguyện lai sinh, hoặc từ quả báo Tịch quang mà ứng lai.

Nói về Tịnh độ mà phạm phu thật sinh, thì ở đây không có bốn ác thú, chỉ vì kiến tư hoặc thối nhuần thiện nghiệp mà sinh làm trời, người. Còn ở Tịnh độ mà Thánh quyên thật thọ sinh thì giống như trước.

Hai là cõi hữu dư nói vãng sinh: Tức Tam tạng giáo Nhị thừa, Thông giáo tam thừa, Biệt giáo thập hạnh, Viên tín hậu tâm...bỏ hẳn tam giới thì đều là thật vãng sinh. Nên kinh Thắng-man nói: “Biến dịch sinh tử thì gồm hàng Nhị thừa, Đại lực Bồ-tát chưa dứt ba thứ ý sinh, nên sinh vào cõi hữu dư thọ thân pháp tánh.”

Hỏi: Những gì là ba thứ Ý sinh thân ?

Đáp: Một là, Tam-muội chánh thọ. Đây e là Thông giáo đồng nhập vào cái vui của Chân không tịch định. Nên kinh Niết-bàn nói: “Thanh văn có định lực nhiều nên không thấy được Phật tánh.”

Hai là, giác pháp tự tánh: Đây e là Biệt giáo Bồ-tát, tuy đã chứng thiên chân mà biết có trung đạo pháp tánh.

Ba là, vô tác: Đây e là Viên giáo Bồ-tát quán trung đạo vô tác Tứ đế, dẹp hết vô minh đều nói là ý vì chưa phát khởi chân tu còn là tác ý, vô minh làm duyên, nghiệp vô lậu làm nhân bèn từ cõi này cõi kia mà thọ thân pháp tánh.

Hỏi: Như kinh Lăng-già nói ba thứ ý sinh đều là Thập địa ứng sinh vào cõi quả báo sao nói là Hữu dư?

Đáp: Dựa theo Thập địa Biệt giáo mà phán quyết ba thứ ý sinh thì sinh vào cõi quả báo. Dựa theo Thập địa của Thông giáo mà phán quyết thì chính cùng với Bồ-tát của ba giáo đã giải thích trước, đã dứt hết nội giới hoặc thì cùng sinh lên cõi Hữu dư ý đồng. Nếu ở Thật báo Tịch Quang mà phá vô minh hiển bày pháp thân thì ứng sinh vào Hữu dư.

Ba là, cõi quả báo nói lai sinh: Nếu ở cõi Đồng cư, Hữu dư mà phá trừ vô minh thì Thập địa của Biệt giáo, Thập trụ của Viên giáo đều

được vắng sinh.

Bốn là, cõi Thường tịch quang: Nếu rốt ráo Tịch quang tức là Bất sinh. Bất sinh thì đâu còn có sinh qua lại. Nếu phân rõ Tịch quang trở xuống Tịch diệt nhãn và Thập địa có hai lần sinh, thì Tịch diệt nhãn Đẳng giác là một lần sinh. Hoặc nói Sơ trụ của Viên giáo một phần phá vô minh thấy lý Phật tánh thì cũng được một phần sinh, cho đến bậc Đẳng giác đều có nghĩa này. Chỉ có quả báo của vô minh biến dịch sinh tử ràng buộc, nên nói là trụ quả báo. Còn bậc Diệu giác thì dứt hẳn, nên nói người duy nhất ở Tịnh độ. Cả bốn mươi một địa trước nếu căn cứ theo quả báo thì gọi là sinh quả báo. Nếu dựa theo phần kiến chân lý thì gọi là Thường tịch quang.

Hỏi: Phần đoạn Đồng cư cần phải dứt hết kiến tư hoặc, bỏ thân này mới sinh vào cõi Hữu dư. Ở cõi Hữu dư cũng phải dứt hết biệt kiến tư của Biệt giáo, bỏ thân biến dịch thì mới sinh vào cõi quả báo chăng?

Đáp: Không phải vậy. Phần đoạn thì chất ngại, phiền não tuy hết ắt cần phải bỏ báo thân. Nếu ở cõi Hữu dư mà tùy phá biệt hoặc, nhân đời quả đổi liền gọi là Thật báo.

Hỏi: Thật báo thọ sinh thì Tịch quang có sinh chăng?

Đáp: Đã nói là Thường tịch, đâu được thọ sinh. Sinh tức còn lưu động đâu thể gọi là Thường tịch.

Hỏi: Vậy sao ở trước lại gọi là sinh Thường tịch quang?

Đáp: Nếu cõi quả báo có biện luận về sinh mà khi phát tuệ thấy chân, mà chân tức là Bất sinh, thì tức là Bất sinh mà sinh.

Hỏi: Nếu bất sinh mà sinh thì cũng nên nói bất thường mà thường.

Đáp: Cũng đều như thế cả, vì sao rốt ráo? Thường tịch không sinh mà sinh. Bốn mươi một phần cư thường tịch tức là Không sinh mà sinh, không thường mà thường.

**6. Nói về bốn cõi thuyết giáo không đồng.** Có bốn phần:

a. Cõi Nhiễm tịnh thuyết giáo không đồng: Tức Phàm Thánh đồng cư, đã có uế tịnh. Uế là năm trước chướng nặng mà căn có lợi độn. Lợi thì cảm giáo nhanh, cũng như mặt trời mọc trước chiếu trên đỉnh núi cao. Vì độn căn chướng nặng mà mở ra Tam tạng giáo, phương đẳng, đại phẩm để phương tiện điều phục. Đối với Pháp Hoa, Niết-bàn mới nghe Viên giáo thấy được Phật tánh mở Bí mật tạng.

Về tịnh, thì như cõi Hoa quang, tuy không phải ác thế mà vẫn nguyện nói tam thừa. Đây cũng có giáo đốn, tiệm.

Hỏi: Tịnh độ cũng được mở Tiệm giáo thì vì sao Hương Tích Bồ-tát lại kinh ngạc?

Đáp: Vì bốn nguyên nên nói thế.

b. Cõi Hữu dư thuyết giáo bất đồng: Đoạn hết kết sử của Thông giáo đều được vãng sinh, không đâu không lợi độn, Nhị thừa của Tạng Thông đều độn, nên Đại luận nói La-hán có thân pháp tánh độn vì đối với Phật đạo mà đi quanh co. Thông, Biệt, Viên giáo lần lượt nói là lợi độn nên biết. Như Lai đối với họ chỉ nói Nhất thừa. Tuy không mở ra ba thừa mà đối với Nhất thừa không đâu không quyền biệt ứng phó với hai thứ cơ duyên. Nếu nói khai hiển tuy không có Tạng Thông mà mở Biệt quyền, hiển thật Viên. Nên kinh Pháp Hoa nói: “La-hán sinh cõi ấy cầu trí tuệ Phật, được nghe kinh ấy chỉ vì Phật thừa mà được diệt độ.

c. Cõi quả báo thuyết giáo không đồng: Đây đều đã phá hết vô minh, khi vãng sinh thì đồng một căn tánh, đi trên đường thẳng lớn không quanh co. Phật đối với cõi ấy chỉ nói Nhất viên.

d. Cõi Thường tịch quang thuyết giáo bất đồng: Nếu Thường tịch quang rốt ráo thì không nói không bày mà nói bày, pháp thân vô duyên ngầm giúp tất cả. Không nói mà nói, tức là pháp thân nói pháp. Nếu căn cứ quả báo mà nói Thường tịch quang. Phân biệt hai thứ nói pháp Không đồng là: Nói Vô tác Tứ đế tức cõi quả báo, nói Nhất thật đế tức Thường tịch quang. Hai loại cõi nước sau căn cứ vào đây mà biết.

#### **7. Căn cứ quán tâm nói các cõi nước:**

Tâm tánh xưa nay vốn rốt ráo vắng bật, nhưng chúng sinh kẻ điên đảo thì nhiều, không điên đảo lại ít, do vô minh nhân duyên mà khởi thiện ác, liền từ các pháp đã sinh mà tức không tức giả tức trung. Trung là cảnh của nhân duyên thiện ác, tức cõi Phạm Thánh đồng cư. Bởi quán thấy thiện ác thì liền ở trong cõi uế tịnh mà hiểu rõ nhân duyên vốn hư dối, tích thể mà vào Không. Ở cảnh không đó thì liền là cõi Hữu dư. Biết không chẳng phải là Không mà không cho là chứng biết. Trong không phải nhân không phải quả mà là nhân là quả. Nếu hiểu rõ nhân quả không chướng ngại thì đó là cõi quả báo không chướng ngại. Tuy lại không, giả có ra vào khác nhau mà nguồn tâm vô minh tức là Phật tánh. Nếu biết tánh vô minh tức là minh thì liền là cõi Thường tịch quang. Cho nên văn kinh nói: Tùy tâm mình tịnh tức cõi Phật tịnh. Trong Đại tập có nói: “Muốn tịnh cõi nước Phật thì phải tịnh tâm ông.” Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: “Vô lượng các thế giới thủy đều từ tâm duyên khởi, tất cả các pháp giới đều ở vào một đầu lông nhỏ.”

#### **8. Dùng nghĩa Phật quốc mà giải thích kinh này. Có ba phần:**



- Nói về phần tựa.
- Phần chánh thuyết.
- Giải thích phần lưu thông.

- *Nói về phần tựa*: Chung hợp các lọng báu và hiện ra cõi nước, điềm lành này biểu thị Đức Phật muốn nói về Phật quốc. Nên Bảo Tích liền khen ngợi rằng: “Nay xin dâng lọng báu mẫu cho Đức Thế Tôn, trong đó hiện ra tam thiên giới.” Bảo Tích hiểu rõ Đức Phật muốn nói về Tịnh độ, nên khi khen ngợi xong liền hỏi Phật về nhân quả Phật quốc. Trình bày ý hiện ra điềm lành trên là muốn nói về Phật quốc.

- *Nói về chánh thuyết*. Có ba phần: Ngoài thất, trong thất và ra thất.

Ngoài thất, có ba phẩm rười: Bảo Tích thỉnh Phật nói nhân quả Phật quốc. Như Lai đáp đầy đủ và đưa ngón chân ấn đất thì liền hiện ra cảnh tịnh độ, khiến các chúng sinh được lợi ích Đại thừa. Rồi đất trở lại như cũ để người cầu Thanh văn được lợi ích Tiểu thừa. Nếu mê nghĩa y báo Phật quốc thì đâu thể biết được huyền chỉ của phẩm này. Sau đó nói phẩm phương tiện, vì quốc vương, trưởng giả mà phân tích cái thể của hai quán, khuyên mọi người cầu chánh nhân Phật quả. Nếu thành y nhân thì những người chưa đoạn nội giới kiết nghiệp sẽ sinh về cõi Đồng cư tịnh, những người đã đoạn xong kết nghiệp, liền sinh cõi Hữu dư. Khi thành Phật thì hai thứ chúng sinh đó cùng lai sinh cõi ấy. Kế đến nói phẩm Đệ tử, trách các Thanh văn có ý khiến họ đoạn bỏ tạp duyên ngoại giới. Nếu đến thời Pháp Hoa thì tiến lên đoạn bỏ Biệt hoặc mà sinh lên cõi quả báo. Sau khi thành Phật thì ba thứ chúng sinh lai sinh cõi nước ấy. Tiếp đó nói phẩm Bồ-tát, trách các Bồ-tát khiến đoạn hết vô minh thì liền sinh vào cõi Tịch quang, sau khi thành bậc Diệu giác thì một thứ chúng sinh lai sinh cõi nước ấy.

Trong thất, có sáu phẩm, ngài Văn-thù vào thành Tỳ-da-ly thăm bệnh, ngài Tịnh Danh liền hiện ra thất trống, nói rằng cõi nước mười phương chư Phật đều trống không, nên hiện ra thất trống không. Đây đâu không phải là chính thức hiển bày nghĩa Phật quốc giúp thành Như Lai nói nghĩa Phật quốc. Kế đến phẩm Bất tư nghị hiện núi Tu-di chui vào hạt cải... các việc bất tư nghị, đều hiển bày Phật quốc có y báo tự tại. Sau tới phẩm Quán Chúng Sinh, Thiên nữ ở trong thất mười hai năm, tức cùng ngài Tịnh Danh ở cõi nước Thường tịch quang, chính là giúp bày nghĩa Phật quốc. Nên nói: “Mười phương cõi Phật thường hiện trong thất này.” Kế đến phẩm Phật Đạo, là hành ở phi đạo mà thông suốt Phật đạo, tức là ở cõi nước bất tịnh mà hiển hiện cõi tịnh, nên nói

kệ rằng:

*Tuy biết các Phật quốc Thường  
cùng chúng sinh không Mà  
thường tu tịnh độ  
Giáo hóa các quần sinh.*

Kế đó là phẩm Bất Nhị Pháp Môn. Các đại Bồ-tát đều nói nhập môn, muốn phá vô minh ở hai cõi trước mà trụ vào cõi quả báo và Thường tịch quang. Sau nữa là phẩm Hương Tích, trong thất này hiện ra tịnh quốc Chúng Hương đối với cõi uế Ta-bà, tức là năm phẩm trong thất giúp thành Phật nói hai loại cõi nước uế- tịnh.

Ra thất, có hai phẩm: Phẩm Bồ-tát Hạnh. Ngài Tịnh Danh lấy tay nâng đại chúng đưa về Am-la viên. Đức Phật nói với ngài A-nan các loại cõi nước làm sáng tỏ nghĩa chính. Nếu không hiểu rõ văn của phẩm kinh này do đâu có thể phân biệt được? Tiếp theo là phẩm A-bệ Phật, tức là ở ngoài thất mà hiện cõi nước chứng minh thành. Như Lai nói các thứ cõi nước nghĩa rất rõ ràng, khai kinh đặc đạo gấp đôi trước đó.

Dùng nghĩa Phật quốc giải thích phần lưu thông, gồm hai phẩm: phẩm Pháp Cúng Dường là Thiên đế phát nguyện hoàng kinh, Như Lai ấn khả chính cái thể của phần lưu thông bất tư nghị giải thoát là gốc nhân quả Phật quốc. Và phẩm Chúc Lụy là phó chúc cho ngài Di-lặc và A-nan... lưu thông bất tư nghị giải thoát pháp môn và làm sáng tỏ nhân quả Phật quốc nói trên, khiến không dứt mất.

#### **IV. GIẢI THÍCH PHẨM:**

Phẩm là phẩm loại, có nghĩa loại giống nhau họp vào một đoạn thì gọi là phẩm. Nhưng phẩm đề này nên gọi là phẩm tựa. Tiếng “Phật quốc” là do phần chánh thuyết mà có tên.

Hỏi: Đã có tựa chính thức, sao lại dùng phần chánh thuyết để ở phẩm đầu?

Đáp: Lời hỏi này sai. Giả sử dùng phần tựa mà đặt tên thì lại hỏi sao không dùng phần chánh. Nay nên hiểu không phải là Không có cách này như kinh Ma-ha Bát-nhã. Nửa phẩm đầu là tựa, từ “bảo Xá-lợi-phất...” nửa phẩm về sau là chánh, mà gọi đó là phẩm tựa thì có hại gì? Nếu không cho tựa kinh này nhận tên phần chánh thì cũng không nên cho kinh kia để phần chánh trong phẩm tựa.

Hỏi: Nếu thế thì nhất định dùng tựa mà đặt tên.

Đáp: Kinh Kim Quang Minh có chánh và tựa cùng phẩm thì cũng là có phương hại. Đây là do người sau này sắp phẩm để ý không đồng,

không phải do Phật nói cũng không phải do A-nan, vậy không nên chấp chặt điều đó. Kinh này không nêu tên phẩm tựa ở đầu mà nghĩa tựa rất rõ ràng, việc đó cần giải thích kỹ.

Tựa có nhiều nghĩa, tóm tắt có ba ý: Một là, lời giải thích sơ lược; hai là, nói rõ về chung và riêng; ba là, phân định theo quán tâm.

**1. Giải thích sơ lược.** Có ba phần:

a. Thứ tự: Phạm viết văn thì đoạn văn đầu là tựa. Nay sáu nghĩa ở đầu kinh ấy thì gọi là tựa.

b. Nguyên do: Đức Phật nói pháp ắt cần có nguyên do, đó là hiện ra điềm lành khiến mọi người vui mừng ham thích nên nói đạo từ hoan hỷ sinh ra, bởi nguyên do này mà nói pháp.

c. Tự thuật: Đã sinh vui mến mà Thánh ý khó lường, khi mọi người để ý thì không biết nơi đến. Do đó cần phải nhờ một đệ tử bậc cao hoặc các hóa Phật, Bồ-tát đặt vấn đề trước. Khi mọi nghi ngờ đã hết thì còn quy tâm mới có thể phát khởi giáo pháp nên gọi là tự thuật. Nay sáu nghĩa đầu kinh này tức là thứ tự, hợp các lọng báu hiện ra cõi nước là nguyên do, Bảo Tích thuật khen là tự thuật.

Hỏi: Các kinh đều có đủ ba phần tựa chăng?

Đáp: Có kinh đủ có kinh không đủ, hoặc hai, hoặc một đều là phần tựa.

Hỏi: Lời tựa không đồng sao dùng thứ tự để hiểu các nghĩa?

Đáp: Chữ viết như thế nhưng ý kinh vẫn gồm đủ ba phần, nếu dùng chữ thứ tự thì cũng không hại chi, chỉ lấy nghĩa, không cần chú trọng đến lời.

**2. Nói về chung riêng:** Tóm tắt ba điều trên nói về chung riêng. Như thế sáu nghĩa tức là tựa chung, hiện điềm lành và tự thuật là tựa riêng. Các kinh đều dùng sáu nghĩa để ở đầu, nên gọi là tựa chung. Các kinh có phần đầu là hiện điềm lành và phần tự thuật đều khác, nên gọi là tựa riêng. Nay nhân tên riêng mà có tựa riêng và có nói pháp riêng. Nếu nhân tên chung thì có tựa chung, hạnh lý chung riêng nhân đây mà có hai tựa.

Hỏi: Nếu lấy hai tựa, từ hai tên mà lập. Lập tên thì trước riêng sau chung, làm tựa sao được trước chung sau riêng?

Đáp: Tiện việc lập tên thì trước riêng sau chung, còn tiện việc làm tựa thì trước chung sau riêng. Lại còn một đường lối thì cũng trước riêng sau chung. Vì sao? Vì như hiện điềm lành nêu nguyên do là trước khi nói kinh, sau đều như thế là lúc Như Lai sắp nhập Niết-bàn mới nói lời ấy, nên biết nó ở sau. Lời tựa trước kinh chính là làm phát khởi tín

tâm của các đệ tử hiện tại. Còn lời tựa ở sau kinh là khiến đệ tử ở vị lai khởi lòng tin.

Hỏi: Nếu thế thì lúc Phật còn tại thế, ở đầu kinh không có tựa thì không gọi là kinh sao?

Đáp: Trước tựa riêng tuy không có sáu nghĩa, bởi khi Phật nói pháp đã có việc đó rồi, nên vẫn được gọi là kinh.

**3. Phần định theo quán tâm:** Tâm tức là chung, quán tức là riêng, nhân quán tâm này mà thành tựu được tất cả Phật pháp, tức là cửa vào đạo, tức là nguyên do.

Hỏi: Nếu lấy quán tâm làm hai tựa, đâu không điên đảo?

Đáp: Tiện việc lập tên nên gọi là quán tâm, tiện việc tu hành thì gọi là tâm quán, có nghĩa cùng loại trước mà lý rất rõ ràng.

Hỏi: Phần huyền nghĩa, nơi nơi phần nhiều đều nói về quán tâm, sợ rằng khi vào văn không được như thế thì há chẳng làm hoại loạn kinh giáo ư?

Đáp: Nói kinh văn cho kẻ muốn vào đạo, nếu các bậc hiền tu trì đạo gặp chỗ thì quán hạnh, đâu có ai tìm cầu Thánh đạo mà không quán hạnh ư? Chỉ khéo nói là được, không chỉ không làm hại văn nghĩa mà còn gồm được quán hạnh rõ ràng để phân biệt pháp môn, không quán còn đợi gì, sao lại là lỗi hoại loạn ư?

## V. VÀO KINH VĂN.

- Phần tựa có hai: Chung và riêng.

**Trước giải thích phần tựa chung:** Sáu nghĩa là tựa chung của các kinh, cần phân ra làm hai là tổng và biệt.

Tổng giải thích: Đức Phật dạy ngài A-nan cùng các đệ tử lớn mà nói tướng vào Phật pháp. Đại Luận nói rằng: “Khi Phật sắp nhập Niết-bàn thì A-nan và các thân thuộc vì ái kiết chưa trừ, tâm bị chìm sâu trong bể sâu thương. Ngài A-nê-lâu-đà bảo ngài A-nan rằng: Ở việc vị lai nếu có những nghi ngờ gì thì nên kịp thời hỏi mau, chớ sao cứ sâu thương mãi như những kẻ phàm phu? A-nan nhờ sức đạo niệm mà lòng buồn sâu chợt tỉnh liền hỏi Phật bốn việc:

1. Sau khi Phật Niết-bàn rồi thì tu đạo thế nào?
2. Ai đáng làm thầy?
3. Kẻ ác khẩu Xa-nặc làm sao chung ở?
4. Đối với đầu các kinh Phật nên để lời gì?

Đức Phật bảo A-nan rằng: Như ở đời hiện tại hoặc ở đời sau tuân theo Tứ niệm xứ mà tu đạo, giới kinh giải thoát là thầy của các ông, ác

khẩu Xa-nặc thì theo pháp thanh tịnh “giới luật) mà xử trị, nếu ông ta có tâm phục thiện thì nói cho nghe kinh Na-đà Ca-chiên-diên tất sẽ được vào đạo. Khi tập hợp các pháp tạng của ta suốt trong ba a-tăng-kỳ thì ở đâu nên ghi như vậy: “Như vậy tôi nghe: Một lúc nọ, khi Phật ở tại... cùng số đại chúng.” Không phải chỉ riêng pháp ta như thế, mà ở đâu các kinh của ba đời chư Phật cũng đều như thế.

Hỏi: Vì sao ở đâu các kinh phải để như thế... cho đến khiến tu các niệm xứ?

Đáp: Đầu kinh nên để như thế là vì muốn dẹp bỏ nghi ngờ khiến mọi người tin tưởng, cũng là ấn định rằng Phật nói mà không phải là hàng đệ tử và chín mươi sáu phái ngoại đạo nói ra, cũng để phá việc ở đâu kinh của người ngoài và ngoại đạo thường dùng hai chữ A Âu đặt ở trước giáo pháp của họ. A Âu là nói tương lành để tránh tà quái, có nói đầy đủ trong Bách luận. Về ác khẩu Xa-nặc theo giới luật mà xử trị, vì ông này ý mình thuộc dòng vua mà khinh chê các Tỳ-kheo, theo tăng pháp lúc đó là tội khinh cười, như lá rụng bị gió xoáy thổi tạt vào một nơi, đâu cần phải luận bàn, cách Phật sau này cũng không đổi khác. Phật bảo dùng Phạm đàn gọi là mặc tẩn (ngâm đuổi) cũng nói theo cách trị tội của Phạm thiên là lập một đàn riêng, khiến người phạm tội vào ở trong ấy, các người thanh tịnh không cùng nói chuyện. Nếu biết phục thiện thì nói cho nghe kinh Na-đà Ca-chiên-diên, khiến người ấy lìa bỏ có, không, liền chứng sơ quả. Một nhà nói Tam tạng giáo lập môn “chẳng phải có, chẳng phải Không” khác với ba môn là ý ở đây vậy.

Phật dạy các Tỳ-kheo tuân trụ theo Ba-la-đề-mộc-xoa, Ba-la-đề-mộc-xoa, Hán dịch là Bảo đặc giải thoát, cũng gọi là Báo giải thoát, cũng gọi Xứ xứ giải thoát.

Hỏi: Tỳ-ni nói về thời thực thời y... phần nhiều chẳng phải là nghĩa đúng sao gọi là Báo đặc giải thoát?

Đáp: Đại luận bảo: Phật nói Tỳ-ni là muốn khiến Phật pháp được trụ lâu dài, không nên cầu thật, liên sinh tà kiến. Thời nay tăng chúng tâm không luôn nghĩ đến giới luật e rằng Phật Pháp sẽ diệt mất. Nay khiến nương vào các niệm xứ mà tu đạo, nếu lìa bỏ niệm xứ mà làm việc thì chỉ có nhiều người giữ giới để sinh lên cõi trời, người. Tọa thiền thì được định, tùy thiền mà thọ sinh. Học nói rộng pháp chỉ là trí tuệ thế tục; nếu tu niệm xứ thì mới có thể phá được bốn thứ điên đảo.

Hỏi: Kinh Thanh văn nói cần nương vào niệm xứ, còn Ma-ha-diễn dạy vô sinh để vào đạo đâu cần có Niệm xứ để quán ư?

Đáp: Đại thừa có ba niệm xứ vô sinh, vô lượng, vô tác. Nếu lìa bỏ

ba thứ này thì không phải là chánh quán. Nhưng Phật giáo tuy có nhiều mà không ngoài bán mãn. Niệm xứ sinh diệt tức chữ Bán, còn ba niệm xứ kia là chữ Mãn. Bán thì khô héo, Mãn thì xanh tươi, trong khoảng khô héo xanh tươi mà thấy được Phật tánh, trụ ở Đại Niết-bàn gọi là chữ Phật pháp giới. Ngoài Niệm xứ thì không có một pháp nào vào đạo nên Phật để lại di chúc khiến nên nương vào Niệm xứ.

Biệt giải thích: Xưa phần nhiều đều dùng năm nghĩa, nay nương vào sáu nghĩa:

1. “Như thị” là đầu mối khuyến tín.
2. “Ngã văn” là đích thân nhận ý chỉ lời nói.
3. “Nhất thời” là lúc cảm nhận giáo.
4. “Phật trụ” là nêu Hóa chủ.
5. “Nơi chốn” là nơi nghe kinh.
6. “Kể người cùng nghe” là nêu chứng không phải truyền sai.

Với sáu nghĩa này là giúp việc thấy nghe cho đệ tử Phật khi ngài đã diệt độ hết nghi ngờ, tăng lòng tin, lợi mình lợi người, công thành đạo mãn, đó gọi là đầu mối khuyến tín. Sáu thứ “Như thị”... đều là khuyến tín. Như thị đứng đầu nên gọi là đầu mối. Xưa chữ “Như thị” có ba ý: Một là, nói chung; hai là, căn cứ giáo; ba là, quán tâm.

\* Nói chung, ý ở chỗ khuyến tín là hiểu đúng pháp tướng, nói đúng pháp tướng, điều nói ra là chắc thật đáng tin theo. Đại luận có nói: “Phật pháp như biển cả, do lòng tin mà vào được.” Lại “Như thị” là lời khen khéo tin. Người không tin thì nói việc không phải Như thị và điều tin ấy nói là việc Như thị. Lại Đại luận nói: “Chữ Như thị là chỉ cho pháp Không có người tranh cãi.” Đức Phật dùng tâm chắc thật mà nói, đệ tử dùng tâm không vướng mắc mà nhận mới được giải thoát nên nói là Như thị. Không như ngoại đạo nói và người nghe đều dùng tâm chấp chặt vướng mắc. Hiện sống đấu tranh chết rồi vào địa ngục thì đâu thể gọi là “Như thị”. Xưa nay phần nhiều nói Như thị là văn Như thị. Văn khéo nói là “Như”, lý không sai là “thị”.

\* Căn cứ giáo có bốn thứ không thể nói. Ứng cơ mà nói thì có bốn thứ:

1. Sinh diệt.
2. Tức không.
3. Giả danh.
4. Tức trung.

– Nói Nhân duyên sinh diệt “Như thị”: Đức Phật khi xưa ở thành Ba-la-nại nói về năm ấm sinh diệt, Câu lân... những người nghe nói như

thế liền được ngộ đạo. Kinh này khi hiện lại quốc độ cũ để người cầu Thanh văn biết pháp hữu vi là vô thường mà được quả A-la-hán và pháp Nhân tịnh

– Nói tức không “Như thị”: Như ở Đại phẩm nói Tam thừa đồng thấy đạo không nói năng mà đoạn dứt phiền não, kinh này bác phá Ca-chiên nói về năm người, hai trăm vị Tỳ-kheo nghe nói như thế mà tâm được giải thoát, tức là chỉ dạy người pháp Không có tranh cãi.

– Nói giả danh Như thị: Như kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Ma-ha Bát-nhã, Hoa Nghiêm, Hải Không tuyên nói Bồ-tát trải nhiều kiếp tu hành.” Kinh này cũng nói: “Dùng không chỗ thọ mà thọ nhận các thọ.” Nếu nghe nói như thế thì được Đạo chủng trí, chứng ngôi vị Bồ-tát biết rõ các căn cơ chúng sinh.

– Nói Trung đạo Như thị: Như ở Đại phẩm nói: “Phật vì thật tướng các pháp mà xuất hiện ra đời, hóa Phật cũng dùng thật tướng các pháp mà xuất hiện ra đời.” Kinh Pháp Hoa nói: “Nghĩa thật tướng các pháp đã vì các ông mà nói. Ở kinh này, các Bồ-tát đều nói vào pháp môn Bát nhị. Nếu Bồ-tát nghe nói như thế liền thấy Phật tánh, khai Phật tri kiến, trụ vào Bất tư nghị giải thoát. Phật pháp có bốn thứ Như thị nên ở đầu các kinh đều để Như thị. Hoa Nghiêm đốn giáo có nhân duyên và giả danh trung đạo hai thứ Như thị, còn Tam tạng giáo chỉ có nhân duyên sinh diệt Như thị, các kinh Phương đẳng có đủ bốn thứ Như thị, Ma-ha Bát-nhã chỉ có ba thứ, kinh Pháp Hoa chỉ có trung đạo thật tướng. Hoặc kinh Đại Niết-bàn nói chư Phật pháp giới cũng đủ bốn thứ. Kinh này cũng là Phương đẳng Đại thừa sinh tô bất định mà nói đầy đủ bốn thứ như trên đã dẫn. Kinh này đã đầy đủ bốn nghĩa như thị, nên ở đầu kinh để Như thị.

Hỏi: Lý không hai sao được có bốn thứ?

Đáp: Các pháp rốt ráo đều không có nói năng, không quyền, không thật, còn không có một thứ hướng là bốn thứ. Nhưng quyền mà có thật, quyền nên nói ba, thật nên nói một, đủ cả quyền thật nên nói có bốn.

\* Xét theo Quán tâm mà nói: Tức ba quán mà nói bốn Như thị. Kinh Hoa Nghiêm nói: Muốn biết tâm Như Lai chỉ nên quán tâm chúng sinh, nếu thấy tâm Như Lai liền thấy tâm chúng sinh. Như phá bỏ một hạt vi trần mà đưa ra cả đại thiên kinh quyển. Chúng sinh do một niệm vô minh, tâm nhân duyên sinh ra liền có đủ bốn lý, nếu quán tâm nhân duyên sinh diệt mà vào “không” tức sinh diệt, tức “không” như thế thì tức “giả” tức “trung” cũng có thể biết.

Hỏi: Nếu quán tâm có đủ cả bốn thì tức là Phật chăng?

Đáp: Sáu tức phân biệt, tiến lên thì không lạm bàn mà sinh tăng thượng mạn, thoái lui thì tránh được lỗi người nghèo đếm của báu.

“Ngã văn”: Tức ngài A-nan đích thân nghe pháp nên nói là ngã văn. Ngã văn cũng có ba cách giải thích:

*a/ Giải thích chung*, tức A-nan đích thân thừa tiếp ý lời, nếu nghe qua người khác ắt có nhiều sai lầm. Nay đích thân nghe tức là đáng tin. Nhiều người cùng nghe ắt không còn nghi ngờ. Đại luận có nói: Tùy tục mà nói tôi “ngã” hòa hợp mà nói “nghe”văn. Tùy tục nói tôi thì người học truyền pháp, lợi sinh thuận thói tục mà nói tôi, ngoài thì không trái nghi, trong không trái thật. Như dùng tiền vàng để mua đồng, bán đồng lấy tiền mua pháp, người này không cho là kỳ lạ.

Hòa hợp thì nói là nghe. Tức nhĩ căn không hư, tác ý muốn nghe, tình trần hòa hợp nhĩ thức liền sinh. Ý thức phân biệt các điều nghe thấy, nhân duyên hòa hợp nên gọi là nghe. Ngài A-nan trong thì nhĩ căn sáng nhạy, ngoài thì đối với tám âm của Phật nhận hiểu không sai, nên gọi là tôi nghe.

Hỏi: Đại luận nói: “A-nan sinh vào đêm Phật thành đạo”, còn kinh Niết-bàn nói: “Sau khi Phật thành đạo hai mươi năm, A-nan mới làm thị giả.” Vậy những kinh nói trước đó mà A-nan chưa nghe và khi Phật sắp nhập Niết-bàn vì bị ma ám nên cũng không nghe được. Vì sao đều bảo là “Như thị ngã văn”?

Đáp: Đại luận nói: “Khi A-nan sắp kiết tập pháp tạng, liền chấp tay hướng về nơi Phật Niết-bàn nói kệ rằng:

*Khi xưa Phật nói pháp  
Lúc đó con không thấy.  
Như thế lần lượt nghe  
Cho đến ở Ba-la-nại.*

Việc lần lượt nghe, như kinh Xá-lợi-phất Vấn có nói: “A-nan tu thiền không quên mà được Phật giác Tam-muội, nhờ sức Tam-muội ấy mà tự có thể nghe. Lại kinh Báo Ân có nói: “A-nan xin Phật bốn điều ước, ba điều như kinh Niết-bàn nói, còn điều thứ tư là các kinh Phật nói mà chưa được nghe thì xin Phật nói lại. Phật chấp nhận, bèn nói lại các điều A-nan chưa nghe.” Lại nữa Đại luận nói: “Khi kiết tập pháp tạng thì Ưu-ba-ly... khi lên tòa cao đều nói: “Như thị ngã văn”chưa hẳn đều do A-nan nói.

Hỏi: A-nan chỉ kiết tập pháp Tiểu thừa hay cả Đại thừa?

Đáp: Người giải không đồng, có người nói chỉ kiết tập Tiểu thừa,



còn các kinh Đại thừa là do các ngài Văn-thù và Di-lặc cùng kiết tập. Lại nói A-nan cũng kiết tập kinh cả Nhị thừa và Đại thừa. Cho nên trong phẩm Phó Chúc cho A-nan, kinh này cũng thế. Còn các kinh Bất cộng là Đại Bồ-tát kiết tập. Lại nói: A-nan cũng kiết tập kinh Bất cộng của hàng Nhị thừa. Như kinh Chánh Pháp Niệm nói: “A-nan có ba thứ là A-nan Hiền, A-nan Trì và A-nan Hải.” Nay gọi là A-nan Hiền giữ Tam tạng giáo, A-nan trì giữ cộng Đại thừa và A-nan Hải giữ Bất cộng Đại thừa. Nên kinh Pháp Hoa nói: “Khi A-nan nghe Phật thọ ký cho tức thì nhớ lại tất cả pháp tạng của vô lượng ngàn ức chư Phật từ quá khứ như nay vừa mới nghe.” Cũng nên biết do bốn nguyện thì sao không thể nhớ đầy đủ giáo tạng của chỉ một Đức Phật ư?

**b/ Giải thích riêng.** Có hai phần:

1. Ngã.

2. Văn.

- Ngã lại có bốn là:

1. Xét theo Tam tạng giáo mà nói ngã: Theo Tát-bà-đa thì ngã chỉ có tên. Theo Đàm-vô-đức nói thì có giả ngã. Độc-tử-bộ nói ngã ở tạng thứ năm. Những thứ ngã ấy tuy khác nhưng tất cả đều cốt phá cái chấp thân ngã của ngoại đạo mà giả gọi là ngã.

2. Ngã theo Thông giáo: Như kinh Đại Phẩm nói: Sắc tánh như ngã tánh và ngã tánh như sắc tánh, ngã và sắc chỉ có danh tự, đều là huyễn hóa cả.

3. Ngã theo Biệt giáo: Lấy tự tại làm ngã. Khéo đối với tri kiến mà được không trở ngại, đó là nghĩa của ngã. Lại luận Nhiếp Đại thừa nói: Mình và người khác nhau mà biết, cũng nói giống mình mà biết, thì đều là nghĩa khác nhau cả.

4. Ngã theo Viên giáo: Phật tánh trung đạo là nghĩa của ngã. Trung luận nói: Phật có lúc nói ngã, có lúc nói vô ngã, trong chánh pháp của Phật thì không có ngã cũng không phi ngã. Kinh Duy-ma này nói: Đối với ngã và vô ngã mà không hai, mới thật là nghĩa vô ngã. Đại kinh có nói: Trong pháp vô ngã có chân ngã. Lại nói: Ngã cùng vô ngã tánh nó không hai, tánh không hai tức là thật tánh, thật tánh là chân ngã của hai mươi lăm hữu. Ba thứ trước là quyền ngã, còn ngã của Viên giáo là thật ngã.

Hỏi: Nếu thế thì Đại luận sao được nói là tùy thế tục mà nói ngã.

Đáp: Ba giáo tùy hữu tình há không phải là tùy thế tục ư? Còn Viên giáo nói ngã tức là Phật tánh là Không phải tùy thế tục. Ba giáo nói ngã văn đều dựa theo nhĩ căn Viên giáo mà nói ngã. Ngã tức là văn.

Vì điểm về sắc tánh mà nói chân ngã, nên lìa ngoài pháp tánh thì riêng không có tai nghe. Dùng giáo dựa theo các kinh mà nói Ngã thì nhiều ít như trước đã nói nên biết.

Văn: Theo Đại kinh cũng có bốn:

1. Nghe cái nghe.
2. Không nghe cái nghe.
3. Nghe cái không nghe.
4. Không nghe cái không nghe.

Nay e đây lấy bốn giáo mà luận về nghe.

1/ Theo tạng giáo tức nghe mà nghe, vì lấy tiểu sinh mà sinh đại sinh nên gọi là sinh sinh. Nay cũng được gọi là nghe ít mà thành nghe nhiều nên gọi là nghe cái nghe.

Hỏi: Trong Đại kinh sinh sinh là mười hai nhân duyên nối nhau không dứt, vì sao lấy đó mà giải nghĩa nghe cái nghe?

Đáp: Kinh ấy giải thích sinh đầy đủ có hai nghĩa. Nay không căn cứ theo hạnh mà chỉ xét theo lý. Nếu căn cứ theo mười hai nhân duyên nối nhau để nói về sinh sinh thì tức đối với Thánh nhân mà nghe kinh thì không tiện. Vì sao? Vì theo Tạng giáo các nhà đặc đạo sinh sinh đã hết chỉ còn có báo thân, căn trần hòa hợp nên gọi là nghe.

2/ Theo Thông giáo: Tức không nghe cái nghe. Như mộng như huyễn, điểm trên không mà nói là nghe.

3/ Theo Biệt giáo: Tức nghe cái không nghe. Việc nghe tất tự tại.

Vì sao? Vì Thế đế khi chết tức là nghe cái nghe của chết mà sống thì nghe nhờ được tùy đó mà có nghe tự tại nhờ được. Nhiếp Đại Thừa luận nói hữu trần tức là phải thọ thức, đó là Biệt giáo Đại thừa nói về nghe.

4/ Theo Viên giáo: Tức là Không nghe cái không nghe. Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Tướng nghe dứt mất”.

Hỏi: Nếu không có tướng nghe sao gọi là nghe?

Đáp: Nếu tướng nghe đã mất thì đều không nghe. Phật trụ ở Niết-bàn nên đều không nghe các âm thanh pháp giới. Như kinh Pháp Hoa nói: Công đức của nhĩ căn giống như tướng nghe dứt mất. Mười phương vô số Phật có tướng một trăm phước trang nghiêm vì chúng sinh nói pháp thì đều có thể nghe nhận thọ trì, huống là bậc phần chứng tướng nghe dứt mất, nghe pháp Phật mười phương cũng như mây giữ mưa ư? Bậc Diệu giác tướng nghe đã dứt mất rốt ráo, thì tất cả âm thanh pháp giới trong một lúc đều nghe đầy đủ. Nên Đại kinh nói: Nếu biết Như Lai thường không nói pháp đó gọi là bậc cụ túc đa văn. Kinh này cũng nói: Người nghe pháp Không nghe không được, dùng bốn giáo mà phán định

nghĩa nghe, các kinh nhiều ít cũng thuộc loại như thế, nên biết.

Hỏi: Đại luận nói Phật pháp vô ngã, vì sao lại phân làm bốn, nếu thế thì có ngã?

Đáp: Nếu nhất định là có ngã thì sao bốn giáo khác nhau được. Còn nhất định là vô ngã thì sao kinh giáo lại có vô ngã khác nhau. Nếu không chấp nhận việc phân biệt này thì không chỉ phá hoại giáo môn phương tiện của Phật mà còn thuận theo nghĩa gốc của những kẻ bất tín nữa vậy.

***c/ Căn cứ theo quán tâm thì cũng thế nên biết.***

“Nhất thời” là khi bốn chúng cảm nhận giáo pháp mà được đạo. Đây cũng giúp thành cái “như thị” đáng tin. Cho nên Đại luận có nói: “Thời gian và nơi chốn” đều giúp sự tin tưởng. Cũng có ba phần:

***- Một giải thích chung:***

Đại Luận có nói: Số thời gian thật ra không có âm nhập, không thuộc về trì, chỉ tùy thế tục nói nhất thời mà không lỗi gì. Nói lúc bốn chúng cảm nhận giáo pháp được đạo mà gọi là nhất thời. Nếu theo Thông giáo mà luận, bốn chúng cùng lúc cảm nhận giáo pháp thì bắt đầu hay chấm dứt, mới hay đã từ lâu, đều gọi là nhất thời, tức lâu hay mau cũng gọi là nhất thời “một lúc nọ”. Như lời tựa giới có nói: Xuân phân bốn mùa ngày tháng làm thời gian, xuân phân thật có nhiều thời gian nhưng chỉ nói tắt lại là nhất thời. Nếu căn cứ được đạo mà nói “nhất thời”, tức ứng cơ nói giáo chỉ một sát-na nhập như khổ nhẫn, đây kể là thời gian ít nhất mà nói nhất thời. Nay căn cứ theo đây lâu hay mau đều nói chung là nhất thời, tức là một thời hạn nói pháp, chung gọi là nhất thời, việc này có năm phần:

1. Xét theo cơ phát: thì cơ phát thế thiện là thời gian dài, cơ phát xuất thế là thời gian ngắn. Tóm lại ở đây, thời gian lâu mau đều gọi là nhất thời.

2. Xét theo giáo Phật nói: Dùng ba Tát-đàn mà khởi giáo là thời gian dài, nếu dùng Đệ nhất nghĩa là thời gian ngắn. Tóm lại ở đây thời gian dài ngắn đều gọi là nhất thời.

3. Xét theo Cơ và Giáo hợp nhau mà nói nhất thời, cũng lấy thế tục và xuất thế thiện hợp làm dài ngắn. Vì cơ và giáo hợp nhau không ở hai thời nên gọi là nhất thời.

4. Xét theo bốn chúng được đạo mà nói nhất thời: Thế và xuất thế dài ngắn cùng theo tên. Tóm lại ở đây thời gian dài ngắn đều gọi nhất thời.

5. Xét theo A-nan nghe kinh mà nói nhất thời: Dựa theo Phật nói

kinh thời gian dài hay ngắn, A-nan nghe không phải thời gian khác nhau nên nói là nhất thời. Lại A-nan đã được Phật giác Tam-muội như trước đã nói. Lại hiểu rõ Phật vì A-nan mà nói lại tức lúc nghe kinh thì gọi là nhất thời.

- Hai là xét theo giáo:

Tam tạng giáo nói nhất thời sinh diệt, Thông giáo nói nhất thời như mộng huyễn, Biệt giáo thì phá thời gian điên đảo là hay phân biệt số thời gian không trệ ngại. Nhiếp Đại thừa luận nói số thức nhiếp cả a-tăng-kỳ, nói thế thức nhiếp cả ba đời, tức là Biệt giáo nói nhất thời. Viên giáo căn cứ theo Bát tư nghị pháp tánh mà nói nhất thời. Một thời vào tất cả thời, tất cả thời vào một thời. Như kinh này nói: Trụ vào Bát tư nghị giải thoát Bồ-tát lấy bảy ngày làm một kiếp, một kiếp làm bảy ngày. Kinh Pháp Hoa nói: Sáu mươi tiểu kiếp nói như khoảng bữa ăn. Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: Thập Nhất thiết... Mỗi mỗi giáo đều có đủ năm thứ nhất thời, dựa theo các kinh nhiều ít giống như trên, nên biết.

- Ba là quán tâm:

Quán nhân duyên sinh diệt, khi tâm ở trong định có thể biết được các pháp tướng sinh diệt của thế gian, thì chỉ một niệm tuệ nhãn mở ra sẽ thấy rõ lý sinh diệt, nên gọi là nhất thời. Nếu không phải do định tâm thấy lý, thì tức là suy nghĩ trước biết sau nhớ tưởng điên đảo, tuy hiểu sinh diệt nhưng không thể thấy lý, nên không phải nhất thời. Nếu thể không, tuệ nhãn nhập vào Giả pháp nhãn và Trung đạo Phật nhãn thì đều là định tâm. Một niệm nhanh chóng hoát nhiên khai ngộ thấy rõ đế lý nên gọi là nhất thời vậy.

- Phật tại: Phật là người nói pháp chỉ cho hóa chủ, cũng để giúp thành việc truyền nghe đáng tin. Vì sao? Vì chín mươi sáu nhóm ngoại đạo không tin tưởng. Hàng ba thừa Thánh nhân ở riêng một mình không lột tả hết là chưa rốt ráo. Nay nói bậc Vô sư trí đại giác sáng suốt nói ra pháp đốn ngộ tin thành nghe kinh ấy ứng hợp cơ duyên chúng hữu tình đều mừng vui thỏa ý. Cũng có ba phần:

1/ Nói chung: Xưa gọi là Phật-đà, Hán dịch là Bạc Giác ngộ. Tự giác, giác tha nên gọi là Phật. Trí luận có nói: Phật-đà dịch là Bạc hiểu biết. Biết những pháp nào? Tức là biết trong ba đời các số chúng sinh và không phải số chúng sinh cùng tất cả các pháp thường và vô thường, dưới cội Bồ-đề tất cả đều hiểu biết rõ ràng đầy đủ nên gọi là Phật. Lại mười hiệu đầy đủ cũng gọi là Bạc Nhất Thiết Trí. Đức của Phật vô lượng nên cũng gọi như thế. Nay không cần giải thích đầy đủ.

- Nói về “ở tại” “Phật ở tại” là tên khác của “Trụ”. Đại luận nói:

Trong “bốn thứ oai nghi mà ở” nên gọi là trụ. Trụ có bốn thứ:

- a. Thiên trụ, tức làm ba việc bố thí, trì giới, thiện tâm...
- b. Phạm trụ, tức trụ ở định bốn thiên, bốn Vô lượng tâm, bốn vô sắc...
- c. Thánh trụ, tức trụ ở lý Ba không, Tứ đế, mười hai nhân duyên...
- d. Phật trụ, tức trụ ở Thủ-lăng-nghiêm... vô lượng Tam-muội và lực vô úy... tất cả Phật pháp. Đức Phật đắc pháp trụ ở Trung đạo, nhưng vì thương xót chúng sinh nên thị hiện trụ ở thành Tỳ-da-ly.

2/ Nói riêng: Căn cứ theo giáo, thì bốn giáo nói về Phật, lược nêu ở trên. Chỉ vì hóa độ bốn thứ căn tánh nên hiện tượng cũng có bốn. Như lúc mới thành đạo cho đến Niết-bàn cũng đều hiện bốn tướng.

- Lúc mới thành đạo, như kinh Thắng Thiên Vương nói: Khi xưa ngồi dưới cội Bồ-đề mà thành chánh giác, hoặc hiện ngồi trên cỏ, hoặc ngồi trên thiên y, hoặc ngồi trên bảo tòa, hoặc ngồi trên không trung, tức biểu hiện tướng Phật bốn giáo không đồng.

- Kế đến là chuyển pháp luân hiện tượng không đồng, ở hội Hoa nghiêm viên đốn thì hiện tượng lớn nhỏ, còn ở Lộc dã chuyển sinh diệt Tứ đế thì hiện tượng Tỳ-kheo già cỗi bỏ chuỗi anh lạc. Nếu nói kinh Phương đẳng thì hiện tượng thân tôn quý trong nhà, hoặc hiện tượng thân bụi bần ngoài cửa, nếu nói Bát-nhã thì cũng hiện tượng thân Tôn quý trong nhà và hiện ra các tướng các thứ thân Phật. Vì chúng sinh nghi ngờ nên hiện ra thân thường tịch và phóng ra thường quang minh. Nếu nói Pháp Hoa thì chỉ hiện thân tôn quý, nếu nói Niết-bàn thì hiện đủ bốn tướng đồng với Phương đẳng. Như thế mà tùy duyên hiện các thứ thân, vừa rồi đã tóm tắt nói đủ bốn thứ thân.

- Sau đây nói thân tướng không đồng. Như kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Khi Đức Như Lai sắp nhập Niết-bàn, lúc đó đại chúng thấy ngài là hình dáng Sa-môn hoặc thấy ngài đầy đủ oai đức tướng hảo đoan nghiêm, hoặc thấy ngài ngồi hoa sen báu nói pháp môn tâm địa, hoặc thấy thân ngài như hư không không bờ mé. Vì đây không phải là việc biểu thị để nói bốn giáo. Việc làm của ngài đã xong sắp nhập Niết-bàn nên hiện tượng như thế. Kinh này đã thuộc về phương Đẳng giáo, cũng nên tùy cơ cảm mà thấy có bốn thứ thân, nên trưởng giả tử nói kệ khen rằng:

Đều thấy Thế Tôn hiện ra trước

Đây là thân lực Bất cộng pháp.

Hỏi: Cả bốn giáo đều thấy nhất định như trước chăng?

Đáp: Vừa rồi nói lý tương đối ở chỗ tùy duyên. Nếu với kẻ bị chướng ngại cản thiên kiến thì cũng có thể hiện thân thấp kém mà nói pháp cao quý, như ngài Quán Thế Âm dùng mọi hình tướng đạo khắp các quốc độ nói pháp Đại thừa hướng là Đức Như Lai.

- Sau đây là dùng bốn giáo nói về nghĩa Trụ. Tức tùy giáo mà luận pháp môn không đồng. Đức Phật ở Trung đạo vì thương xót chúng sinh mà hiện ra ở thành Tỳ-da-ly.

3/ Căn cứ Quán tâm: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Muốn thấy tâm Như Lai chỉ cần quán tâm chúng sinh”. Vì sao? Vì một tâm ba quán mà viên quán ba đế thì khai Phật tri kiến, tuy có nhục nhãn nhưng gọi là Phật nhãn, cũng gọi là chủng trí. Nếu dùng ba trí không trụ vào pháp mà trụ vào Tam-muội ba đế, cũng là pháp Phật đã chứng. Phật ở trung đạo vì thương xót chúng sinh không bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu trụ vào pháp thế gian. Đây nên khéo dùng sáu tức mà phân biệt để vào yếu môn Đại thừa trọng yếu.

- “Vườn cây Am-la ở thành Tỳ-da-ly” là nói về nơi chốn, tức chỉ rõ chỗ nói kinh giúp thành việc khuyến tấn vậy. Có hai phần: Nơi chốn chung là thành Tỳ-da-ly, nơi chốn riêng là vườn Am-la. Về nơi chốn chung lại có ba:

a. Căn cứ sự: Hán dịch là Quảng bác nghiêm tịnh “rộng rãi sạch sẽ”. Vì nước ấy bằng phẳng rộng rãi nên gọi là Quảng bác, thành ấp đẹp đẽ nên gọi là Nghiêm tịnh. Có sự dịch là lúa tốt, vì nơi ấy có lúa gạo tốt hơn nơi khác. Có người gọi là đường tốt. Vì nước ấy có đường xá tốt đẹp bằng phẳng ngay ngắn. Lại gọi là Ưu đạo, vì nhân dân nước ấy ưa thích chánh đạo thuần lương nhân nghĩa, không cần vua chúa, chỉ năm trăm trưởng giả cùng hành xử đạo pháp, tất cả nhân dân ở đấy đều trọng đạo đức nên gọi là Ưu đạo.

b. Đối pháp môn mà giải thích. Tùy chỗ dịch trước mà đối giải.

- Nếu là rộng rãi đẹp đẽ thì đó là pháp thân Đức Thích-ca, vì vốn ở Tịch quang nên tánh nó rộng rãi cũng như hư không, công đức trí tuệ ngài không có các uế ác nên gọi là đẹp đẽ “nghiêm tịnh”. Ngài hiện tích ở nhân gian trong cõi nước rộng rãi đẹp đẽ. Thế mới biết không phải Bốn không do đâu mà hiện tích. Cho nên khi ở cõi nước đẹp đẽ trong nhân gian thì không phải tích không thể hiển bày được bốn. Ở tạm xứ Tỳ-da-ly mà nói các Phật quốc vắng lặng như hư không để hiển bày cõi nước Giá-na thường tịch.

- Nếu nói là lúa tốt, tức bốn trụ của Đức Thích-ca, là bách cú giải thoát của Đại bát Niết-bàn. Nên kinh Pháp Hoa nói mầm mống trăm

thứ lúa thóc đều lớn nhanh, nhân lớn nhanh mà hạt lúa được thành tức là diệu quả của Bách cú giải thoát là lúa tốt. Thùy tích hiển bốn giống như trước nên biết.

- Nếu nói đường xá tốt, thì đây là biểu thị đường lớn trí độ từ đó Phật đến. Nên Đại kinh nói: Ví như đường hẹp không chứa nổi hai người cùng đi. Còn đường giải thoát thì không thế, càng chứa nhiều người mới là chân giải thoát. Nay Đức Thích-ca ở trên đường lớn Pháp giới Bất tư nghị tức là chỗ dung chứa đông đảo nên gọi là đường tốt. Thùy tích hiển bốn cũng như trước nói.

- Nếu nói Ưu bình đạo, tức đạo bất tư nghị, khi tác ý mà tu không gọi là ưa thích đạo. Đạo Bất tư nghị tự làm, mặc tình chân tu, lý sáng thì đem dạy người, như đá nam châm hút sắt không duyên không nghĩ nhớ, đây là tánh ham thích đạo. Do bốn mà thùy tích nên gọi là thích đạo. Nhân tích mà hiển bốn nên ở nước ưa đạo tại nhân gian mà nói tâm tịnh thì cõi tịnh.

c. Căn cứ theo Quán tâm:

- Tức một tâm ba quán hay quán tâm tánh, liền biết tâm tánh cũng như hư không, tức đầy đủ phước tuệ hai thứ trang nghiêm, không đắm nhiễm không vướng mắc rốt ráo thanh tịnh. Đó là tâm tịnh nên cõi Phật tịnh.

- Căn cứ theo lúa tốt: Nếu quán tâm tánh tức là gốc của bách cú giải thoát thì gọi là lúa tốt. Nếu dựa theo đường xá tốt, tức như quán nhân duyên trung đạo, tức là đi trên đường lớn ngay thẳng không nạn tai, nên không có các ma đạo tặc ở vào đường này, rất cao quý nên gọi là đường xá tốt. Nếu dựa theo ưa bình đạo, tức như quán thiên chân dứt hết khổ, được Niết-bàn, thì đối với tất cả đạo pháp Không có tâm ham thích. Nay quán đạo viên chân thì ham thích tất cả tâm không chán đủ suốt mãi đời vị lai nên gọi là ưa thích đạo.

Về nơi chốn riêng: Trên nói về nơi chốn giúp làm chứng cũng đã quá nhiều. Nay nêu chỗ ở giúp tin tưởng càng rõ ràng, cũng có ba phần:

a. Căn cứ sự: Triệu Sư chú thích rằng: Am-la là tên của một loài cây có quả, lấy quả chỉ cây nên gọi là Am-la thọ, quả nó giống quả đào mà không phải đào. Lại nói qióng quả táo mà không phải táo. Lại dịch là cây khó phân biệt, quả nó giống đào mà không phải đào, táo mà không phải táo, nên gọi là cây khó phân biệt. Nghĩa này giống nghĩa trong đại kinh. Kinh nói như trái Am-la sống chín khó phân biệt. Có bốn trường hợp giải thích khó phân biệt. Có thầy nói: Cây này nở hoa, hoa

sinh ra một cô gái. Người trong nước kinh dị, làm vườn nhốt lại, vườn này thuộc cô gái, cô gái giữ vườn nên gọi là vườn cây Am-la. Do nghiệp lạnh đời trước hun đúc nên khi gặp Phật nàng rất vui mừng bèn dâng cúng vườn cây, Đức Phật liền nhận làm nơi ở.

b. Dựa vào pháp môn: Đức Phật trụ ở đạo phẩm pháp Tổng trì nên gọi là trụ ở vườn cây Am-la. Vì sao? Vì đạo phẩm là cây, Niệm xứ là hạt giống, Chánh cần làm sinh trưởng, như ý làm mầm cây, năm Căn là rễ, năm Lực là nhánh lá, bảy Giác chi là hoa, tám Chánh đạo là quả. Từ hoa bảy Giác mà khởi tâm từ bi, vì các chúng sinh phát thệ nguyện lớn, nhân nguyện siêng làm mà phát được Tổng trì, nên nói dùng Tổng trì làm vườn.

Kinh Đại Tập có nói: Ba mươi bảy phẩm là tên Bồ-tát Bảo Cự Đà-la-ni.

Đà-la-ni, Hán dịch là Tổng trì. Vườn giữ gìn cây trái không để bị xâm phạm nên biểu thị là Tổng trì. Hoa sinh ra cô gái, tức là hoa Thất giác sinh ra cô gái từ bi. Cô gái đem vườn cúng Phật là biểu thị trong nhân Tổng trì hồi hướng về quả Phật. Đức Phật nhận ở, là do nhân thành quả, như Phật được Phật pháp mà trụ ở trung đạo. Do bốn mà thù tích nên nói ở Am viên, dùng tích để hiển bốn nên trụ ở Am-la viên mà nói bất tư nghị vườn Tổng trì.

Cây khó phân biệt: Như Lai ở trong vườn là biểu thị Như Lai ở trung đạo, ba mươi bảy phẩm tuy không phải có, không mà giống có, không. Như Lai trụ ở lý khó phân biệt này mà thành tựu đạo phẩm quả Phật Bồ-đề như nường vào cõi nước của diệu quả này mà có đủ bảy thứ phương tiện khó lường là biểu thị của cây khó phân biệt.

c. Căn cứ quán tâm: Ba quán quán tâm, tâm tánh không loạn động mà tu đạo phẩm, nhân đó khởi bi thệ, các thiện căn bền chắc mà thành tựu các Tổng trì, tức trụ ở vườn vậy. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát có mười thứ vườn”, tức là vườn đạo phẩm vậy.

- Nếu căn cứ theo quán tâm mà giải thích khó phân biệt, thì như Đại kinh nói đủ về bốn trường hợp. Như tu ba quán quán lý Bất tư nghị khó phân biệt cũng có bốn thứ:

1. Từ khi có quán tâm nhưng vì oai nghi còn thô lậu nên như quả Am-la trong ngoài đều còn sống.
2. Từ khi có oai nghi tề chỉnh giống như bậc nhu hòa, nhưng tâm nội quán chưa chứng định tuệ, như quả Am-la ngoài chín trong sống.
3. Từ khi có oai nghi chưa đủ quán, mà quán hạnh thuần thực nhập vào các môn, như quả Am-la ngoài sống trong chín.



4. Đã tu nhất tâm tam quán mà điều phục thân khẩu, nhu hòa giống tướng đã đắc đạo. Tam quán khai phát nhập vào các pháp môn, hoặc thành quán hạnh, hoặc giống như thế thì như quả Am-la trong ngoài đều chín, thế nên hành nhân khó thể phân biệt như quả Am-la.

Hỏi: Sao được ở mọi chỗ đối pháp môn mà phán định theo quán tâm, ý Phật đâu phải thế?

Đáp: Tâm Phật như biển cả, mọi dòng nước đều đổ về, ý châu như như tùy niệm mưa báu, cũng như tấm gương sạch tùy hình ảnh đối gương đều hiện, cũng như đại địa tùy giống mà sinh trưởng. Các hình ảnh trong kinh thật khó thể biết hết. Người chấp thấy nghe tự bảo mình đã bỏ tranh luận phải quấy đâu biết rõ ý Phật, như nói trong kinh có pháp môn vô đối. Như ngài Phổ hiện sắc thân hỏi ngài Tịnh Danh rằng: Cha mẹ vợ con thân thích quyến thuộc... tất cả là ai? Đại sĩ đáp: Trí độ Bồ-tát là mẹ, Phương tiện coi như cha.

Hỏi: Ngài Tịnh Danh đã là Bồ-tát tại gia đâu cho phép là Không cha mẹ gia đình thân thuộc mà không nương cậy thờ kính?

Đáp: Tất cả đều xét theo pháp môn, nên biết không khởi đạo pháp hiện việc phàm phu. Tuy hiện việc phàm phu nhưng bên trong đều biểu thị đạo pháp cả. Cũng như nói Phật nhập Niết-bàn ở khoảng khô héo xanh tươi thì đâu thể hiểu thẳng đó là cây cối... Vả lại, lời Phật nói thành thật đều biểu hiện cho Bán mãn. Nay muốn nói pháp môn Bất tư nghị giải thoát mà không bỏ đạo pháp. Hiện tích cùng phàm phu đồng ở tại Da-ly, đâu không phải là biểu thị việc trụ pháp môn ở Cực địa. Kinh Hoa Nghiêm nói mười thành, mười vườn đâu phải chỉ là thành vườn ở thế gian. Đoạn dưới kinh này ở phẩm Bồ-tát hạnh có nói: Các oai nghi của chư Phật mọi việc tới lui đều là Phật sự. Đâu được chỉ hiểu theo việc làm mà không nghĩ việc các Thánh nhân đã quyền biến, hoặc ngầm ý phát biểu. Lại kinh Pháp Hoa có nói: Muốn nói kinh ấy phải vào thất Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, sau đó mới ở giữa bốn chúng dùng tâm vô úy mà nói.

Hỏi: Nếu kinh ấy là Pháp môn Bất đối, khi muốn giảng nói kinh ấy thì không vào điện Phật, không lên tòa Phật, không mặc áo Phật, ở giữa chúng mà nói thì có đúng ý Phật chăng?

Hỏi: Kinh Pháp Hoa Phật đã tự giải đáp nghĩa rất rõ ràng. Nay thành vườn này Phật không giải thích sao biết được ý thầy đối với pháp môn ư?

Đáp: Nếu Phật không giải thích thì không nên để ý đến, vì tất cả kinh văn đâu đều là lời Phật tự giải thích, nếu là ý riêng của mỗi thầy

đâu phải đều có lỗi.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm là đốn giáo thì có thể căn cứ hạnh mà nói các pháp môn, còn kinh Phương đẳng này và kinh Tiểu thừa thì sao được ước quán hạnh mà nói nghĩa?

Đáp: Kinh này đã nói các giải thoát của chư Phật thì phải ở trong tâm hạnh chúng sinh mà tìm cầu. Nếu không căn cứ heo quán hạnh thì đâu thể hợp với văn này. Nếu không dùng Tỳ-da, Am viên đối với các pháp môn thì không được căn cứ quán tâm mà giải thích, sao được ở tâm hạnh chúng sinh mà tìm cầu giải thoát của chư Phật. Nếu không ở tâm mà tìm giải thoát thì sao nói được trụ vào Bất tư nghị giải thoát. Nếu không trụ vào Bất tư nghị giải thoát thì sao được nói ở mỗi lỗ chân lông đều thấy cõi Phật biến hiện tự tại, rộng như trong phẩm Bất Tư nghị. Lại há được như trong kinh Hoa Nghiêm nói: Vô lượng các thế giới đều từ tâm duyên khởi, vô lượng các cõi Phật đều từ lỗ chân lông hiện ra. Nếu nói Tiểu thừa không được dựa theo quán tâm mà giải thích, vì sao trong kinh Thanh Văn, Đức Phật vì người chần trừu mà nói mười một pháp, tất cả bên trong đều hợp với việc quán tâm của Tỳ-kheo. Nêu rõ các điều như thế há không phải là các kinh Phương Đẳng và Tam tạng giáo kinh đối với Quán tâm mà nói nghĩa các pháp môn ư?

Hỏi: Ba quán bốn giáo trên đã giải thích kinh này thì nói quán trước nói giáo sau mà vào văn, sao được nói giáo trước nói quán sau?

Đáp: Luận từ ý chỉ sâu kín, còn giáo từ quán mà ra, như phá hạt vi trần lấy ra đại thiên kinh quyển. Vào văn giải thích là tự sự mà vào lý, cho nên trước cần bốn giáo mà giải thích kinh văn. Tìm văn vào lý ắt cần quán hạnh, nên kể đó là nêu ra chương môn ba quán, thì một phẩm, một kệ, một câu cũng đều vào pháp môn Bất nhị và trụ vào Bất tư nghị giải thoát cả...

- “Cùng chúng Đại Tỳ-kheo tám ngàn người đều tập hội”... từ đây trở đi là phần thứ sáu nói về chúng cùng nghe. Đây là chứng cứ ngài Anan và các Thanh văn, Bồ-tát, Thiên long, Bát bộ, tứ chúng cùng nghe đâu thể truyền sai. Ở đây có ba: Chúng Thanh văn, chúng Bồ-tát và tạp chúng.

Hỏi: Nếu lấy nhỏ làm đầu thì phải nói Thiên long trước, nếu lấy lớn làm đầu thì trước phải nói Bồ-tát chứ?

Đáp: Tiểu thừa xuất gia được đạo vì cảm ân sâu của Phật nên thường ở bên Phật mà hầu hạ thờ kính, tự giữ giới hạnh được mọi người quy kính, là nghĩa gần làm chứng cho kinh nên cần phải nói trước. Còn Bồ-tát hóa độ người không luôn ở bên Phật, chỉ hóa quang làm lợi ích

muôn vật thật khó suy lường, người đời chỉ thấy Tích không biết rõ Bốn là nghĩa xa về chứng tín nên phải nói kể. Hàng Thiên long tứ chúng các kiết hoặc chưa dứt cũng còn địa vị phàm phu, trong không có công được đạo, ngoài thiếu việc độ người mà việc làm chứng cứ cho kinh rất kém nên phải nói sau. Lại nữa, việc này còn biểu thị ý hàng Nhị thừa còn chấp Không, phàm phu chấp có, riêng Bồ-tát không trệ ngại, thường hành bất nhị, nên nói ở khoảng giữa. Nên Đại kinh có nói: “Phàm phu chấp có, Nhị thừa chấp Không. Còn Bồ-tát là người chẳng không chẳng có.”

Hỏi: Vì sao không khen đức của Thanh văn?

Đáp: Các sự hiểu theo lời nói đã bị quở trách là Không có đức để khen. Nay bảo không phải thế vì Bồ-tát cũng bị trách nhưng sao lại được khen? Lại kinh Kim Cang Bát-nhã cũng không khen đức mà không phải bị quở trách. Nay e là kinh nói còn có chỗ lược bỏ. Lại nói chỉ một chữ “Đại” liền là tóm tắt khen đức. Đại luận có nói: Nếu nói Tiểu thừa chỉ nói chúng Tỳ-kheo, nói Ma-ha-diễn không phải chỉ là Tỳ-kheo ắt phải là Bồ-tát. Như kinh Kim Cang Bát-nhã chỉ nói Tỳ-kheo mà không nói Bồ-tát đâu có thể Kim Cang là kinh tiểu thừa. Ấy chỉ là người dịch kinh lược bỏ. Ý không khen của kinh này nên biết.

**I/ Nói chúng Thanh văn:** Trước nói Tỳ-kheo tức là nói chung về nhiều loại người, như Hồ và Việt không đồng. Theo phép Phật xuất gia đều gọi là Tỳ-kheo. Đây giải thích có năm: Và, Đại, Tỳ-kheo, chúng và số” tám ngàn”.

**a. Giải thích “Và”, kinh này nói “và”, Đại phẩm nói “cùng”, và tức là cùng.**

Đại luận nói bảy thứ một mà gọi là cùng: Một chỗ, một lúc, một giới, một tâm, một thấy, một đạo, một giải thoát. Nếu giải thích kinh Pháp Hoa thì cần xét theo Bốn tích. Nay kinh này chưa phát tích chỉ là việc nhân duyên hiểu quán hạnh mà thôi. Một chỗ là đồng ở Am viên; một lúc là lúc hội họp; một giới là đồng được vô tác; một tâm là đều được chín định; một thấy là đều thấy Tứ đế; một đạo là đều được bậc vô học; một giải thoát là đều chứng vô dư.

**b. Giải thích “Đại”, nếu theo bản chữ Phạn thì gọi là Ma ha. Đại luận nói:** Gọi là Ma-ha hoặc Đại, hoặc Hơn, hoặc Nhiều. Vua chúa kính trọng nên gọi là Đại, hơn chín mươi sáu thứ nên gọi là Hơn, số đến tám ngàn nên gọi là Nhiều. Nay nói ngoại đạo có ba thứ: Một là nhất thiết trí; hai là thần thông; ba là Vi-đà. Nếu đủ ba thứ này thì gọi là đại ngoại đạo. Phật phá việc này nên đổi Tam tạng giáo mà nói ba niệm xứ,

gọi là tánh, cộng, duyên. Ai tu ba thứ này không những chỉ phá ba thứ ngoại đạo mà được nhập vào Tánh địa, khi chứng quả thì được ba thứ giải thoát, đó là tuệ được giải thoát, tâm được giải thoát và bậc được vô ngại giải thoát. Gọi là đại Tỳ-kheo hay đại La-hán.

Nếu Biệt đối giải thích thì được tuệ gọi là đại, được tâm gọi là hơ, được vô ngại gọi là nhiều, cả ba thứ đầy đủ thì gọi là Ba-la-mật. Thanh văn thành tựu tất cả công đức của La-hán nên gọi là Đại.

Hỏi: Được tuệ giải thoát liền gọi là đại, sao cần phải đủ ba thứ?

Đáp: Như ba đức đầy đủ nên gọi là Đại Niết-bàn, mà Ma ha Bát-nhã cũng nhận được tên đại. Tam tạng giáo, Thông giáo mỗi thứ có bốn môn hợp thành tám loại đều gọi là Ba-la-mật Thanh văn nên gọi là đại. Nếu xét theo quán tâm thì tức căn cứ ở phân tích thể từ giả nhập vào Không mà nói quán, tám Tỳ-kheo này, Tỳ-đàm, Thành luận mỗi thứ có một nghĩa đại Tỳ-kheo, sáu thứ khác không nói.

**c. Giải thích về Tỳ-kheo:** Hoặc nói có dịch hoặc nói không dịch.

Nói có dịch, tức dịch là Trừ cần “trừ đối”, tức chúng sinh bậc phước do nhân không có pháp để tự giúp mình được nhiều báo lành mà bị nhiều thiếu đối. Xuất gia giữ giới là ruộng phước lành hay sinh mọi vật tốt lành, dẹp trừ nhân quả đối nghèo.

Nói không dịch, thì tên này gồm ba nghĩa. Trí Độ luận nói là phá ác, bố ma, khát sĩ.

**Phá ác:** Như lúc đầu được giới liền gọi là Tỳ-kheo, dùng ba phép Yết-ma phát thiện luật nghi và phá ác luật nghi nên gọi là phá ác. Nếu chung về hạnh giải mà tu giới, định, tuệ. Giới để ngăn phòng hình phạt. Định để trừ tâm loạn. Tuệ để hiểu rõ tướng hư dối luôn phá bỏ ác của kiến tư, nên gọi là phá ác.

**Bố ma:** Đã có thể phá ác thì Ma-la sẽ nghĩa rằng: Người này không chỉ ra khỏi cõi ma ta mà nếu có truyền đăng hoàng hóa thì bạn bè quyến thuộc ta sẽ bỏ trống cung điện này, nên sinh kinh sợ. Nói chung thì ba thứ ma cũng sợ.

**Khát sĩ:** Khát là xin, sĩ là chỉ người thanh nhã. Người xuất gia trong tu đức thanh nhã ắt cần tránh xa bốn thứ tà, sống đời thanh tịnh làm phước lợi cho chúng sinh, phá tâm kiêu mạn mà nhún nhường khiêm tốn, tự hạ mình xin ăn để nuôi sống, hoàn thành đức thanh nhã nên gọi là Khát sĩ. Lại giải rằng: Phá ác là nghĩa chánh, hai nghĩa kia giúp thành. Vì sao? Vì thọ giới là để phá ác nghiệp của thân khẩu. Bố ma tức phá sự ưa thích việc xấu ác. Khát sĩ là phá tính kiêu mạn ganh ghét.

- Căn cứ theo quán hạnh, thì thứ lớp từ ẩm, giới, nhập mà cầu

pháp hỷ thiên duyệt, giúp nuôi vô lậu tuệ mạng, thành tựu đức tận vô sinh trí đoạn, nên gọi là Khất sĩ.

Đoạn văn dưới trách ngài Thân Tử “Xá-lợi-phất) rằng: Phật nói tám giải thoát, nay Nhân giả vâng làm đâu thể muốn bỏ ăn uống mà nghe pháp ư? Đây đủ ba nghĩa: Một là Sát tặc, từ phá ác mà được tên; hai là Bất sinh, từ bố ma mà được gọi; ba là Ứng cúng, nhân khất sĩ để thành tựu đức. Nói thẳng về Tỳ-kheo thì lớn nhỏ chưa nhất định, hoặc ở địa vị người học thuộc ngoại phạm tánh địa. Nay nói đại tức là đại La-hán, nên biết một chữ đại là bao gồm hết tất cả, tức tóm tắt mà khen đức.

**d. Giải thích chung:** Tiếng Phạm nói Tăng-già, Hán dịch là chúng. Đối với một Tỳ-kheo không gọi là chúng, nhiều người họp chung nhau mới gọi là chúng. Luật nói bốn người trở lên đều gọi là chúng. Như nhiều cây cùng tụ họp nhau thì gọi là rừng. Trí luận nói: Tăng có bốn thứ:

1. Ngu si Tăng : Tức là Tăng phá giới phóng túng.

2. Á dương Tăng: Tuy có giữ cấm giới nhưng không thể phân biệt rõ về ba học và tướng khai, giá, thông, tặc. Có người nghi hỏi xin giải quyết thì nín câm không đáp cũng như dê câm.

3. Hữu tu Tăng: Nếu người xuất gia tu giới, định, tuệ, cũng hay phân biệt hiểu biết vì người khai quyết, nhưng chỉ vì chưa phát chân, vẫn còn ở vị nội ngoại phạm, tự thẹn chưa thể thành tựu được Thánh pháp, nhảm rơi vào hàng Tăng, bốn sự luôn kính giữ, thường hổ thẹn tự trách mình cũng gọi là sự hòa tăng.

4. Chân thật Tăng: Từ khổ hạnh đến bốn quả Thánh nhân đều gọi là Chân thật Lý hòa Tăng.

Hai loại Tăng trước tuy có tên Tăng nhưng không hòa hợp, không kham được việc Tăng. Hai loại Tăng sau đảm nhận được Tăng nghiệp.

Giải thích “Số”: Số có tám ngàn, nghĩa nên biết. Đối hạnh mà nói số ý rất khó thấy. Nói Bồ-tát đây là phần thứ hai nói chúng Bồ-tát để làm chứng cho việc cùng nghe, đâu chỉ có Thanh văn mà cũng có Đại Bồ-tát đến ba vạn hai ngàn vị, đích thân nghe diễn nói không phải là truyền sai. Bồ-tát có năm:

1. Loại.
2. Nói về số.
3. Khen đức.
4. Nhiều tên.
5. Tổng kết.

### 1. Nói về Loại:

Phàm người tu Đại thừa gọi chung là Bồ-tát, đó là khí loại của người tu hạnh Đại thừa. Nói đủ theo tiếng Tây Vực là Bồ-đề-tát-đỏa. Ngài La-thập sợ dài nên lược bỏ hai chữ Đề, Tỏa mà gọi là Bồ-tát. Việc dịch không đồng. Luận A-tỳ-đàm nói: Tự giác giác tha gọi là Bồ-tát. Có người nói Bồ-đề là Vô thượng đạo, Tát-đỏa là đại tâm, gọi Vô thượng đạo đại tâm là người này phát tâm rộng lớn vì chúng sinh cầu đạo vô thượng nên gọi là Bồ-tát. An Sư gọi là Khai sĩ Thủy sĩ “người khai hóa đầu tiên”. Lại dịch là Đại đạo tâm chúng sinh. Bản xưa dịch là Cao sĩ. Có nhiều từ dịch khác vẫn còn giữ âm Phạm. Nay theo Đại luận mà giải thích thì Bồ-đề là Phật đạo, Tát-đỏa là thành chúng sinh, dùng các Phật đạo mà thành tựu chúng sinh nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Lại Bồ-đề là tự làm, Tát-đỏa là độ người. Tự mình tu đạo Phật rồi đem độ người khác nên gọi là Bồ-tát. Nếu không như thế thì việc tu trì của mình không giúp ích khai tuệ cho ai. Chỉ có hàng Tam thừa đồng tên Bồ-đề của Nhị thừa mà không gọi là Tát-đỏa, vì họ không có lòng từ bi cứu giúp muôn loài nên không nhận được danh hiệu ấy. Vậy tuy lược bỏ hai chữ nhưng rất khác hàng Nhị thừa, nghĩa rất rõ ràng.

Tạng Thông kiến chân gọi chung là đạo mà không gọi là Tát-đỏa.

Biệt, Viên kiến chân như nam châm hút sắt, không phải chỉ gọi là Bồ-đề mà cũng gọi là Tát-đỏa. Nên Đại kinh có nói: Nhất thật đế tức là Đại thừa, nếu không phải Đại thừa thì không phải là Nhất thật đế.

Hỏi: Hai loại Bồ-tát trước không gọi là Tát-đỏa thì có gì khác hàng Nhị thừa?

Đáp: Vì họ có một ít hạnh nguyện từ bi nên khác với hàng Nhị thừa.

Tứ giáo Bồ-tát có đầy đủ nghĩa trên. Kinh này phần nhiều lấy ý diễn ba giáo mà giải thích khen đức. Không dùng Tam tạng giáo không phải là chánh ý Đại thừa. Có lúc dẫn ra làm chánh là vì muốn so sánh để phán quyết đại tiểu không đồng nhau.

Quán tâm nói Bồ-tát là căn cứ theo ba quán mà phân biệt, phân tích thể nhập không khởi tâm đại bi cũng gọi là Bồ-tát, sau tu hai quán tùy ý tự tại tức là nghĩa Bồ-tát.

- Luận về số ba vạn hai ngàn là theo việc, biểu thị cho pháp khó thấy trước nay chưa ai đối định được.

### **3. Khen đức Từ “chúng đều quen biết” có ba phần: Chung, riêng và kết.**

a. Nói chung về khen đức, tức là phần đầu khen đức, nếu không có đức tự hành hóa tha thì đâu được nhiều người quen biết. Các bậc đại sĩ này tùy duyên hóa độ, rãi đức khắp nơi mười phương chúng sinh không ai không quen biết. Nghe tên kính đức là quen, thấy hình kính thờ là biết. Chỉ vì chúng sinh có bốn thứ căn tánh, Bồ-tát bèn dùng bốn cách để giáo hóa mà có được bốn thứ quen biết (tri thức) theo Tam tạng giáo, thì hạnh ba tăng-kỳ đã tu xong các tướng trăm kiếp, tướng đại nhân hiện ra muôn vật đều quy kính nên gọi là chúng đều quen biết. Bát địa Thông giáo ở Đạo và Quán cùng tu thần thông lợi ích muôn loài nên chúng đều quen biết. Bậc Đăng Địa ở Biệt Giáo, bậc Sơ trụ Viên giáo, Như Lai một thân hoặc vô lượng thân hiện khắp mười cõi giới tùy duyên lợi vật nên chúng đều quen biết. Người chưa khắp rộng suốt mười phương ba cõi được tất cả kẻ hữu duyên quen biết. Nay các Bồ-tát đều là bậc bồ xứ mà khắp rộng suốt tất cả kẻ có duyên đều quen biết nên nói là chúng đều quen biết.

- Nếu căn cứ theo quán tâm, thì ba quán tâm sáng lên liền được khen là bậc cao đức, nên nghe tên kính đức, thấy hình đều kính thờ mà được chúng đều quen biết.

b. Riêng khen đức: Từ “Đại trí Bản hạnh” trở đi chia ba phần:

1. Lược khen đức tự tha.

2. Rộng khen đức tự tha.

3. Lân quả khen đức.

1. Lược khen đức: Có hai

a. Lược khen tự hành.

b. Lược khen hóa tha.

Lược khen tự hành. Lại có hai: Chánh khen và giải thích khen.

- Chánh khen tự hành: Hai câu đầu nói về chánh khen, tức là Đại trí bản hạnh. Hiểu như đây hoặc căn cứ một pháp, hoặc căn cứ hai pháp.

- Căn cứ một pháp, thì đại trí tức là Bản hạnh, theo bản mà khởi trí thì trí tức là hạnh, nên nói là Đại trí bản hạnh. Nên kinh Pháp Hoa có nói: Các pháp xưa nay tướng thường tự tịch diệt “vắng bật”. Phật tử đã hành Đạo đến đời sau sẽ được làm Phật. Kinh Duy-ma này nói: Từ gốc vô trụ mà lập tất cả pháp. Như Nam độ cứu giải phần nhiều đều từ tám địa căn cứ vị mà giải thích thỏa đáng. Các sư ở phương Bắc từ sơ địa căn cứ vị mà giải thích. Ngài La-thập từ dưới dần lên lần lược khen ngợi.

Vì giải thích không đồng nên không dám riêng dùng. Vì sao? Vì các sư ở phương Nam dẫn oai thần mà lập văn chứng nên biết trước khen tám địa. Còn các sư ở phương Bắc thì dẫn bảy Ba-la-mật làm chứng mà khen ngợi sơ địa cho đến thất địa. Mỗi lần dẫn chứng kinh văn đều là tiện lợi, nếu muốn dung hòa nhau thì càng trái nhau nhiều. Chỉ theo văn kinh đối các địa các nơi đều có thì chưa đủ quyết định chấp cho là đúng ý người kiết tập kinh. Nay cho rằng thường phần nhiều là khen đức của thượng địa. Nếu khen thượng địa ắt gồm cả hạ địa. Vì sao? Vì luận chung các hạnh là đồng nhau, nhưng thượng địa là phẩm hơn, hạ địa là phẩm kém. Nay lấy hơn bao gồm kém thì không thể thượng hạ cùng khen. Như khen Đại trí bản hạnh thấy đều thành tựu, mà kim cương trí đầy đủ mới gọi là thành tựu, vậy đâu thể khen hạ địa. Như khen bậc Sư tử hống bèn như sấm vang. Hạ địa cũng có lời khen này, đâu chỉ riêng khen thượng địa, cho nên biết phân biệt thì ắt cùng có lỗi.

Hỏi: Đã gán bậc Vô đẳng đẳng há không phải khen thượng địa?

Đáp: Nay nói các đức đều là khen bậc thượng địa cần phải căn cứ theo lân cận quả. Từ: “Cho nên... trở đi” là kết rằng: Như thế tất cả công đức đều đầy đủ. Nếu kể chung với lời hạ địa vô đẳng là căn cứ heo đối đãi mà nói có gần xa. Như kinh Pháp Hoa nói “hành xứ cận xứ”, hạ địa cũng gọi là gần. Hoa Nghiêm nói trí tuệ của hàng Thập địa như đất trong móng tay, còn trí tuệ của chư Phật cũng như đại địa, đây rất khác xa. Nay theo Ba giáo hành loại của Bồ-tát là đồng, mà giáo có chủ đều có cận sâu. Từ Bát địa của Thông giáo trở đi là chỉ dựa vào hai đế mà phẩm có hơn kém. Nếu căn cứ theo Bồ xứ thì tự gồm cả vị dưới. Từ đẳng Địa của Biệt giáo trở đi tức là địa của ba đế nhập vào Phật trí, hạnh loại là đồng nhau. Chỉ dựa theo phẩm sâu cận mà phân biệt địa có hơn kém. Nếu khen Bồ xứ tức là gồm nhiếp cả địa dưới sơ trụ của Viên giáo, ba đế viên hiển có đủ tất cả công đức của chư Phật, chỉ có phẩm vị không đồng không có hơn kém. Nếu khen bậc Đẳng giác tức đều gồm nhiếp cả địa dưới. Chỉ các Bồ-tát ngoại đạo tùy chỗ cảm mà thấy nghe không đồng, bên trong thì bốn tích cao thấp khó lường, đâu có thể chấp nhất định. Không phải chỉ căn cứ vào giáo mà phân biệt công đức pháp môn của Bồ-tát. Hoặc có lúc bên trong hạp quán tâm muốn khiến cho hành giả biết thắng diệu công đức đều từ tâm mà ra, ấy là giải thoát của chư Phật đều từ tâm hành chúng sinh mà tìm cầu.

- Nếu căn cứ hai pháp mà khen thì Đại trí khen giải, Bản hạnh khen hạnh. Nếu giải hạnh cùng thiếu thì như mắt và chân đều mất, không đến đâu được. Nếu giải hạnh đều đủ thì Như có đủ mắt và chân mà đến



ao tắm, nên cần khen cả hai. Do đó khen giải rằng: Đại trí chỉ là quán giải, như vào Không ra giả hai trí phương tiện không gọi là đại, trung đạo mà quán giải nhất thiết chủng trí mới gọi là Đại trí. Nên Đại luận có nói: Ta nay sức biết muốn diễn nói nghĩa đại trí bỉ ngạn thật tướng. Nên biết đại trí tức là quán cái quán các pháp thật tướng. Nói Bản hạnh tức là khen hạnh, từ gốc Đại trí nhất tâm đầy đủ các Ba-la-mật. Nên trong Đại phẩm nói: “Các pháp tuy không mà có thể nhất tâm đầy đủ muôn hạnh.” Kinh Kim Quang Minh cũng nói: “Nhất thiết chủng trí mà làm căn bản thì vô lượng công đức đều được trang nghiêm.”

Nên biết tự hạnh tuy có nhiều môn, nhưng chỉ lược khen giải hạnh thì ngang dọc các đức đều lấy.

Hỏi: Bồ-tát chưa chứng được cực quả sao được nói tất cả đều thành tựu?

Đáp: Quả hạnh chưa đủ nhân hạnh đã tròn nên nói là thành tựu. Nhưng xét theo giáo thì nghĩa thành tựu không đồng.

Theo Tam tạng giáo, lúc đầu duyên với Tứ đế sinh diệt mà phát thệ gọi là đại trí, tu hạnh sáu độ gọi là bản hạnh, nghiệp chủng tướng thành tựu nên gọi tất cả đều thành tựu.

Theo Thông giáo, lúc đầu duyên với vô sinh mà khởi thệ gọi là Đại trí. Ba sự của Đản “bố thí” rõ, không cho đến Bát-nhã gọi là bản hạnh. Thập địa như Phật nên gọi tất cả đều thành tựu.

Theo Biệt giáo: Lúc đầu duyên với vô lượng sinh giải “hiếu) gọi là Đại trí, làm vô lượng Ba-la-mật gọi là bản hạnh, chứng Thập địa Đẳng giác, nên gọi tất cả đều thành tựu.

Theo Viên giáo: Lúc đầu duyên với vô tác mà phát tâm, gọi là Đại trí, nhất tâm đủ muôn hạnh gọi là bản hạnh, chứng Thập địa Đẳng giác, biên tế trí đầy đủ, các việc rốt ráo nên gọi tất cả đều thành tựu. Về quyền thật cũng biết được.

Nếu quán tâm mà hiểu, xét theo ba quán mà nói: Quán đầu, quán sinh diệt Tứ đế, phát tâm đại bi mở nguyện lớn gọi là đại trí, dùng quán hạnh lục độ tức là bản hạnh. Đây là tích Giả vào Không quán của Tam tạng giáo, còn thể giả của Thông giáo, Nhập giả của Biệt giáo, Nhất tâm của viên giáo, tìm theo đó có thể biết.

Giải thích khen: “Hai câu chư Phật oai thần”. Cũng thêm việc thành tựu hóa tha. Đây là chính nói Phật gia hộ. Kinh Kim Cang có nói: Ở thân Bồ-tát, Phật cho sức công đức trí tuệ nên gọi là gia hộ. Nay nói giải hạnh có nhân tròn đủ là do oai thần chư Phật lập ra, trí tuệ giúp cho giải mà đại trí được thành, công đức thêm cho hạnh bản hạnh được

thành. Nội nhân tuy là Bồ-tát tự tu, ngoại duyên thì ắt nhờ chư Phật ngấm hộ. Cũng như hạt giống bên trong tuy có nhân sinh sản, ngoại đạo nếu không có các duyên đất, ánh sáng, gió mưa... thì đâu có thể thành hạt. Bồ-tát cũng thế, dù có nhân từ bi trí tuệ, tinh tấn thiền định tự hành hóa tha, nếu không nhờ đất từ bi, ánh sáng trí tuệ, gió thần thông, mưa nói pháp của chư Phật... thì nhân tự hành hóa tha đâu thể tròn đủ. Như bóng chim đại bàng che phủ con mau lớn. Nên kinh Hoa Nghiêm có nói: “Bát địa sắp chìm vào Không phải có Phật gia hộ thì quán mới được phát khởi.” Nếu căn cứ theo quán tâm, thì khi tu ba quán ắt cần sám hối thỉnh mười phương Phật. Nếu tâm chí thành thì Phật sẽ gia hộ tự nhiên hạnh thành. Đời có tà kiến, người học thiền chỉ tin tâm có Phật mà không tin vào các oai thần chư Phật gia hộ. Đây là chánh giải thích đoạn trước, phụ thành tựu việc hóa tha ở sau.

Nếu thêm việc hóa tha như kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát Pháp Tuệ nói Thập trụ, chư Phật phóng quang gia hộ mới nói được. Cho đến ngài Kim Cang tạng nói thập địa cũng thế. Đây tức thành tựu về sau là thành trì hộ pháp. Nếu căn cứ theo quán tâm, khi ba quán đã thành mà muốn lợi vật thì cần nên sám hối thỉnh mười phương oai thần hiện ra có cảm ứng gia hộ để tùy chỗ lợi sinh, như gió thổi rạp cỏ.

Lược khen đức hóa tha: Từ “là thành trì hộ pháp” trở đi có ba phần:

1. Khen tâm hóa tha.
2. Khen công thành.
3. Giải thích khen.

Khen tâm hóa tha: “Hai câu đầu”. Phật pháp như thành trì có thể phòng trừ cho người tu các địch hại, tai nạn, nên gọi là thành. Nếu giữ gìn Phật pháp tức giữ thành. Lại hiểu pháp ấm nhập giới, pháp này tức không, lý tức không gọi là thành Niết-bàn. Chúng sinh là vua, mà chúng tánh đầy đủ hăng sa Phật pháp, như người và vật trong thành. Nên kinh có nói: “Tất cả chúng sinh tức Đại Niết-bàn, tức tướng Bồ-đề”. Nhưng diệu lý này, ngoài thì bị thiên ma ngoại đạo phá hoại, trong thì bị các kiến tư của Thông biệt giáo xâm phạm, Bồ-tát vì hộ trì thành Niết-bàn vốn có của chúng sinh, khiến không vọng khởi các ái kiến. Thọ trì chánh pháp tức chánh pháp của bốn giáo. Bồ-tát từ mười phương Phật nghe giáo pháp này mà được Đà-la-ni. Tổng trì không quên gọi là thọ trì. Dem dùng pháp này mà hàng phục ma, chế trừ ngoại đạo và phá các nội ngoại ái kiến cùng các giặc phiền não cho chúng sinh mà giữ thành Niết-bàn. Khiến các chúng sinh Pháp vương chúng tánh đều được

an ổn, hằng sa Phật pháp Không bị tan mất nên gọi là Hộ pháp thành trụ trì chánh pháp.

Dựa theo quán tâm: Thì giả không không giả là hộ trì tiểu Niết-bàn, giả trung trung giả là hộ trì Đại Niết-bàn.

Chính khen hóa tha công thành: “Hai câu năng sư tử hống...” Đại kinh có nói: Phật tánh, gọi là sư tử hống Tam-muội. Bồ-tát trụ ở Tam-muội này mà có thể sư tử hống. Sư tử hống, gọi là vô úy thuyết... Nếu xét theo quán tâm, khi ba quán đã thành thì việc làm đúng như lời nói, nói về bốn giáo tâm không khiếp sợ, như con của sư tử khi đầy đủ ba tuổi có thể gầm thét.

Nói: “Tiếng đồn mười phương...” đây cũng là công hóa tha đã thành. Công hóa tha đã thành thì mười phương đều mong nhờ lợi ích, cùng tuyên dương tiếng đồn vang xa như đại tướng phá địch, công danh cái thế.

Chúng nhân không thỉnh” là giải thích hóa tha.

Hai câu đầu là giải thích tâm hóa tha để làm thành trì hộ pháp. Bồ-tát vì bi nguyện đâu đợi thỉnh mời, như giặc dữ vây hãm các quan viên, đại tướng phải cấp tốc cứu nguy, đâu đợi người trong thành đến mời thỉnh.

Hỏi: Nếu Bồ-tát là bạn chẳng cần mời thỉnh, thì vì sao Phật lại đợi Phạm vương Thiên đế thỉnh chuyển pháp luân?

Đáp: Bồ-tát còn chẳng đợi mời hướng chi Phật. Nhưng vì nghi lễ nói pháp là ân nặng của muôn loài nên cần phải đợi thỉnh.

Hỏi: Bồ-tát chẳng đợi thỉnh, phàm người có tâm ắt đến ứng cứu chẳng?

Đáp: Người có duyên liền đến không đợi thỉnh, ai chưa an thì khiến được an. Đây là giải thích thọ trì chánh pháp. Người đời cùng kẻ đồng chí làm bạn. Bồ-tát khéo léo hòa đồng căn duyên với vật cùng tu Tứ đế ai nấy đều được đạo quả vô lậu. Nên kinh Pháp Hoa nói: “Chúng ta hai người cùng làm việc của ông.” Nếu khai quyền hiển thật thì đồng ngồi xe Phật mà đến thẳng đạo tràng. Đây tức là thân làm bạn pháp “mà khiến được an” là kẻ chưa an Đạo đế thì khiến cho an. Như thế bốn thứ chúng sinh khiến an bốn thứ Đạo đế. Nếu khai quyền hiển thật thì đều khiến cho an trụ ở vô thượng Niết-bàn, cho nên nói làm bạn mà khiến được an. Nếu căn cứ theo quán tâm Tích thể, Nhập không, Giả danh, Trung đạo, bốn thứ tâm này không mời ba quán, mà ba quán tự quán tức là nghĩa bạn không đợi mời. Quán phân tích thành tâm khiến tâm này trụ ở bốn Đạo đế, tức là làm bạn mà khiến cho an.

Chánh giải thích: “Hai câu Thiệu long Tam bảo...”khi công hóa tha đã thành có thể làm sư tử hồng tiếng đồn mười phương. Bồ-tát dùng tâm vô úy nói bốn giáo tức là: “Nói thạnh bốn thứ Tam bảo”. Nếu nhanh chóng hợp Viên cơ thì liền vào Phật tuệ. Sơ tâm thành tựu nhất thể Tam bảo tăng tiến mãi không gián đoạn cho đến an trụ vào Diệu giác trạm nhiên. Đây tức là Đại thừa nhất thể Tam bảo thường trụ mãi không dứt, nên nói khiến cho không dứt mất.

Nếu Tiệm giáo phó cơ thứ lớp nói không dứt mất, là từ đầu Tam tạng giáo cho đến Viên giáo Nhất thể Tam bảo không dứt mất, giáo quyền thật lần lượt khởi lên và dẹp đi. Cho nên Bồ-tát dùng bốn giáo Tam bảo này mà tiếp dẫn chúng sinh khiến Phật chủng không dứt mất, đều khiến họ an trụ vào Đại Niết-bàn thường trụ Tam bảo. Đều là công năng Bồ-tát nói pháp, tức là làm sư tử hồng. Công hóa tha quy về mình tức là tiếng đồn khắp mười phương, cho nên nói nói thạnh mãi không dứt.

Nếu xét theo quán tâm nổi thạnh mãi không dứt, tức nếu Phật còn ở đời thì việc nổi thạnh Tam bảo như trước đã nói. Nếu Phật đã diệt độ thì đem Phật pháp phó chúc cho hai chúng đệ tử, do đó mà vua Ưu-điền tạo tượng, vua Xà-thế kết tập, vua A-dục độ người. Nếu thế thì Tam bảo tướng tưng không dứt mất, khi Đức Di-lặc ra đời thì chân chánh Tam bảo, Nói thạnh không dứt, sau khi Đức Di-lặc diệt độ rồi thì cũng như thế. Nếu người tu hành từ nay đến hết đời mạng pháp mà tạo tượng viết sách Đại thừa, độ người xuất gia tức là giúp Tam bảo nổi thạnh mãi không dứt. Nếu trụ vào tâm ba quán mà quán tướng Tam bảo tướng nổi theo này không bị trệ ngại vào hàng không hữu, thì Đệ nhất nghĩa nhất thể Tam bảo kia nổi thạnh mãi không mất. Nên kinh có nói: “Kính tượng như Phật sống thì công đức cũng như thế”. Nên văn kinh nói: Không lìa văn tự mà nói tướng giải thoát. Lìa tánh văn tự tức là giải thoát, giải thoát tức là các pháp. Kinh Hiền Ngu có nói: “Ở đời vị lai có nhiều Tỳ-kheo phá giới thì cũng nên cung kính cúng dường như đối với các ngài Xá-lợi-phất hay Mục-kiền-liên và công đức có được cũng nhiều vô lượng”. Nói thạnh Tam bảo công đức lớn nhất, ví như đại thần quản lý việc quốc gia thì công trạng rất lớn. Bồ-tát nổi thạnh giống Tam bảo khiến mãi không dứt mất, thì công đức vô lượng, mười phương chư Phật nói mãi cũng không hết. Hàng phục các ma oán, hai câu này tức giải thích việc nổi thạnh mãi không dứt. Chỉ vì chúng sinh trong có ái kiết, ngoài có quỷ thần sáu cõi thiên ma vương, trong có các kiến, ngoài có mười tám lục sư và chín mươi sáu thứ ngoại đạo luôn phá hoại

thành trì Phật pháp khiến Tam bảo dứt mất. Nay nói Bồ-tát hoằng hóa bên trong tu thiền định trừ ái kiến, ngoại đạo dùng thần lực hàng phục ma oán. Bên trong dùng trí tuệ đoạn trừ các kết, ngoại đạo nói pháp chế phục các ngoại đạo. Ma oán trong ngoài đã phục rồi, ngoại đạo trong ngoài đều quy về, thì thành Niết-bàn còn mãi, Tam bảo không dứt mất nên gọi là được nối thạnh.

Nếu căn cứ theo bốn giáo, đối với nội giới ái kiến thì dùng thiền định sinh vô sinh Đạo để mà phục ái, dùng trí tuệ chế trừ kiến. Đối với ngoại giới ái kiến thì dùng định trang nghiêm của vô lượng vô tác Đạo để mà phục trừ ái và tuệ trang nghiêm mà chế trừ kiến. Nên văn nói: Các ma là ưa sinh tử, ngoại đạo là thích các kiến. Bồ-tát ở trong đó mà không bỏ không động nên nói là các ma ngoại đạo đều là kẻ hầu của ta. Nếu hàng phục được nội giới ái kiến thì ngoại ma liền hộ trì hóa thành Niết-bàn, khiến Tam bảo của Tạng Thông còn mãi không mất vậy. Nếu hàng phục ngoại giới ái kiến thì ngoại ma hộ trì thành Đại Niết-bàn, khiến Tam bảo của Biệt Viên không mất. Cho nên biết đây đều là giải thích việc hóa tha ở trước.

Hỏi: Nội giới có thể có ngoại ma, còn ngoại giới làm sao có?

Đáp: Đại kinh nói tám ma tức có bốn nội và bốn ngoại vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói mười ma là chung cả nội ngoại giới, phân biệt có thể biết. Trong kinh Niết-bàn, ngài Ca-diếp tự than rằng: Từ trước nay đều là tà kiến, thì Tam thừa Thánh nhân của Tạng, Thông đều gọi là giới ngoại ngoại ma cả. Cho nên trách ngài Thiện Cát rằng: “Vào tà kiến mà không đáo bỉ ngạn, các ông cũng là cánh tay của ngoại ma”, há không phải là ngoại giới có ngoại ma ư?

Hỏi: Thanh văn có thể như thế, còn Bồ-tát ra sao?

Đáp: Kinh Hoa Nghiêm nói: Ma Bồ-đề tâm, ma Tam-muội, ma Thiện tri thức đều là ma Bồ-tát. Ương-quật-ma-la trách ngài Văn-thù rằng: Ngoại đạo cũng tu không, Ni-càn chỉ yên lặng tức là ngoại ngoại giới đạo. Nếu không phải thế thì tại sao tám ngàn Bồ-tát bị trách mà không ai đáp lời?

- Nếu căn cứ theo quán tâm, khi giả không không giả quán thành thì hàng phục được nội ngoại giới ma, khi giả trung trung giả quán thành thì hàng phục được ngoại giới ngoại ma.

- “Tất cả đều đã thanh tịnh”... trở xuống hai câu là rộng khen về tự tha. Có hai phần:

1. Từ đây trở xuống đến hết câu: “không khởi pháp nhân” là rộng khen về tự hành.

2. Từ đã hay tùy thuận... đến hết câu “cập tâm sở hành” là rộng khen về hóa tha.

Khen tự hành lại có hai là:

a. Đoạn đức.

b. Trí đức.

Khen Đoạn đức lại có ba: Khen chung, khen riêng và giải thích.

Khen chung về đoạn đức: Là nói Bồ-tát này các kiết hoặc sinh tử đều dứt, nên nói tất cả đã thanh tịnh. Kiết hoặc sinh tử có hai thứ là nội giới và ngoại giới. Nếu bồ xứ của Tam tạng giáo chỉ phục được kiến tư mà chưa dứt hết các kiến hoặc. Còn bồ xứ của Thông giáo tuy trừ được các tập khí mà các kiến tư ngoại giới chưa dứt. Bồ xứ của Biệt giáo thì trừ hết mười một phẩm vô minh còn ba mươi một phẩm kia vẫn còn. Ba bậc này đều không phải là tất cả đã thanh tịnh. Riêng bồ xứ của Viên giáo thì bốn mươi một phẩm đã hết nhưng còn một phẩm kia như làn khói nhẹ thì mới gọi được tất cả đã thanh tịnh. Như kinh Địa Trì nói: Tịnh thiền thanh tịnh thứ chín cho đến tịnh thiền là tất cả kiến đều thanh tịnh, hai chương này đã dứt, Bồ-tát nương vào thiền này mà được quả đại Bồ-đề. Nên căn cứ theo bồ xứ của Viên giáo mà nói tất cả đều đã thanh tịnh.

–Nếu căn cứ theo quán tâm, khi giả không không giả và giả trung trung giả hai quán này đã thành, nội giới hoặc đã hết thì không phải tất cả đã thanh tịnh, khi ngoại giới phiền não chương đã hết thì mới gọi tất cả đều thanh tịnh.

–Về dứt hẳn triền cái, là khen riêng về đoạn đức. Cái là năm cái, triền là mười triền. Có người nói mọi cái triền đã tiếp cận, đâu đủ để khen là đức của đại Bồ-tát, nay bảo không phải thế. Nếu chỉ căn cứ theo năm cái mười triền này phân ra tất cả nội ngoại giới hoặc, thì lia đây lại không còn hoặc nào sinh ra nữa. Nội giới chỉ là nhánh lá, còn ngoại giới là gốc rễ. Nếu lia năm cái của nội giới mà hiện đủ tám vạn bốn ngàn trần lao thì sao tham dục, sân nhuế, thù nghi thuộc si, trạo cử, tán loạn là giới thủ tức là đẳng phần, bốn thứ này mỗi thứ đều có đủ hai vạn một ngàn hợp thành tám vạn bốn ngàn, các loại căn bản phiền não ngoại giới hiện ra rõ ràng.

Hỏi: Ngoại giới vì sao năm cái cũng đối tám vạn bốn ngàn?

Đáp: Đã có ba độc sao được không có năm cái? Lấy Niết-bàn là tham, bỏ sinh tử là sân, mê thật đế là si. Đã có căn bản ba độc thì phải có căn bản năm cái mà có đủ tám vạn bốn ngàn. Nay dựa theo giáo mà nói lia cái không giống nhau. Nhiều người nói cái chương ở Sơ thiền,

còn cõi trên thì không còn cái. Như Thành Luận nói hai cái tham, sân đều chung cả cõi trên, cả hai luận trên đều là Tam tạng giáo mà nói cái không giống. Nếu Bồ-tát của Tam tạng giáo lia cái phát thiền thì đồng với phạm phu chưa đủ để khen đức của bồ xứ. Nếu Bồ-tát của Thông, Biệt, Viên lia cái thì thuộc loại đều đã thanh tịnh. Nên biết mười triệu mở ra năm trăm triệu, phân biệt lia hẳn các cái, có thể biết.

Nếu căn cứ theo quán tâm, khi giả không không giả, giả trung trung giả một nơi mà quán thành thì lia hết hai loại cái phiền như trên, nên biết.

Từ: “Tâm thường an trú ở vô ngại giải thoát”... là , giải thích Đoạn đức.

Vô ngại giải thoát tức là tên khác của Bất tư nghị giải thoát nên Đại luận có nói: Đối trong các giải thoát thì Vô ngại giải thoát là cao nhất. Tạng Thông đều nói: Vô ngại đoạn tất cả, giải thoát chứng tất cả. Có sư nói: Vô ngại hàng phục, giải thoát đoạn trừ. Đây chỉ là nội giới tư nghị vô ngại giải thoát. Thập địa của Biệt giáo cũng nói: Vô ngại đạo đoạn, giải thoát đạo chứng, tuy lia bỏ ngoại giới kiến tư cũng căn cứ theo định mà đoạn, không phải là Bất tư nghị vô ngại giải thoát.

- Viên giáo nói nghĩa giải tướng hoặc tức trí không đoạn hoặc mà rất ráo lia hẳn hai thứ phiền cái, nên gọi là vô ngại giải thoát. Nên văn nói: Không đoạn si ái, khởi ra minh, thoát tâm thường an trụ, nghĩa là nếu tư nghị chiếu tịch thì không phải là an trụ rất ráo, nếu bất tư nghị tịch chiếu không hai trụ Đại Niết-bàn thì mới gọi là tâm rất ráo thường an trú, vì vô ngại giải thoát là tên khác của Đại bát Niết-bàn mà thôi.

Kế căn cứ quán tâm, nếu biệt tướng ba quán thì không phải là rất ráo an trụ, còn nhất tâm ba quán tức là tâm thường an trụ ở vô ngại giải thoát vậy.

Từ “Niệm định tổng trì biện tài bất đoạn”... trở đi là phần hai: Khen trí đức, cũng có ba phần: chung, riêng và giải thích thành.

Khen chung: Tức là niệm định tổng trì. Như các kinh khác đều khen đức Tam-muội Đà-la-ni, nay khen Niệm định tổng trì tức là khen Tam-muội Đà-la-ni . Do đó ở đây nêu khen cả hai. Niệm tức là niệm Phật Tam-muội... các Tam-muội. Nếu Bồ-tát được Tam-muội này thì mười phương chư Phật đều hiện ra trước, nếu được nhất tâm thì gọi là Vương Tam-muội. Vì sao? Vì nếu căn bản mà quán luyện huân tu là tục đế Tam-muội, quán đế duyên với ba không là chân đế Tam-muội, tự tánh... các lực và Ban chu Nhất hành Thủ-lăng-nghiêm... một trăm lẻ tám Tam-muội, đều là Trung đạo nhất tâm Tam-muội gọi là Vương

Tam-muội. Cho nên biết khen niệm định là khen đức Tam-muội vậy.

Căn cứ theo giáo, nếu phân tích thể của tục vào Chân thì chỉ căn cứ hai đế gọi là Vương Tam-muội. Nếu từ Tục đế và Chân đế căn bản thứ lớp vào trung thì tức là Tam đế của Biệt giáo gọi là Vương Tam-muội. Nếu Nhất tâm viên mãn vào Tam đế tức là ba đế của Viên giáo Tam-muội gọi là Vương Tam-muội. Đại luận nói có nhà khác giải thích Tam-muội và Vương Tam-muội không giống nhau là ý này vậy.

Nếu căn cứ theo quán tâm tức ba quán mà quán ba đế thành Vương Tam-muội, thì tự nhiên có thể biết.

Tổng trì, tức là khen đức Đà-la-ni. Đây là nói khả năng giữ gìn, khả năng ngăn chặn. Giữ gìn thiện không cho mất, ngăn chặn ác không cho khởi, nên gọi là Năng trì, năng giá, cũng gọi Tổng trì, là giữ các pháp thiện không cho dò rỉ. Kinh Pháp Hoa nói ba thứ Đà-la-ni:

1. Triền Đà-la-ni.
2. Bách thiên vạn ức triền Đà-la-ni.
3. Pháp âm phương tiện Đà-la-ni.

Triền là xoay, quay lại, tức xoay Giả vào Không mà được vào chân đế. Nhưng phá nội giới tức thuộc Thông giáo. Nếu nhất tâm phá trọn vẹn thì thuộc Viên giáo. Bách thiên vạn ức tức là từ không vào Giả, xoay chuyển phân biệt phá trần sa hoặc mà hiển lộ hằng sa Phật pháp. Nếu biệt phá ngoại giới vô tri là Biệt giáo, còn nhất tâm phá trọn vẹn thì tức là Viên giáo.

Pháp âm phương tiện tức là hai quán làm phương tiện mà được nhập vào Trung đạo. Thứ lớp đoạn mà nhập vào trung, là ý của Biệt giáo. Không đoạn vô minh, nhất tâm viên mãn nhập vào trung đạo tức là Viên giáo. Lại pháp âm phương tiện, tức là được Đà-la-ni này thì liền hiểu biết tất cả các thứ tiếng nói, cũng có thể một thứ tiếng nói pháp mà tùy loại đều hiểu. Được Đà-la-ni này tức là nhập vào Vô ngại Đà-la-ni, đầy đủ tất cả Đà-la-ni vậy.

Hỏi: Kinh này khen Bồ xứ, vì sao được căn cứ ở sơ tâm mà giải thích?

Đáp: Phát tâm và rốt ráo cả hai không khác, cho nên chỉ hậu tâm mà nhập vào ba đế vô ngại, rộng ngang nhỏ hẹp sâu thẳm tận cùng tức là Vô ngại Đà-la-ni của bồ xứ.

Hỏi: Tam tạng giáo Bồ-tát có Đà-la-ni này chăng?

Đáp: Như vua Thi Tỳ được quy mạng cứu hộ Đà-la-ni, nên biết cũng có các tiểu Đà-la-ni, Luân vương còn được, hướng là Bồ-tát.

Hỏi: Thanh văn có được chăng?



Đáp: Vì họ đã nhập diệt nên không cần.

Căn cứ quán tâm, thì Đà-la-ni ba quán, giống như đã nói nên dễ hiểu.

- Biện tài, tức là bốn biện tài. Đại phẩm có bảy biện tài, Đại tập có hai mươi bốn biện tài, Hoa Nghiêm có bốn mươi biện tài.

- Căn cứ theo giáo nói về bốn biện tài:

Xét theo Tam tạng giáo, thìn sinh diệt Tứ đế không trệ ngại các pháp danh tự, tức là Pháp vô ngại biện. Đối với Nghĩa Tứ đế không bị trệ ngại tức là nghĩa vô ngại biện. Thấu suốt ngôn từ của sáu nẻo cũng giống tiếng nói của mình, nói về sinh diệt Tứ đế ngôn từ không trệ ngại tức là Từ vô ngại biện. Nếu xứng hợp căn duyên đời đời không kể xiết tất cả bốn loài đều phó cơ nói vô cùng tận tức là Nhạo thuyết vô ngại biện. Biện là luận rõ, tài là tài năng. Dùng mật giúp thuốc uống vào để công hiệu.

Lại nói: Hóa y cứ ước vô tác, như giải thích có thể hiểu.

Nói không dứt là Không hết. Pháp, Nghĩa duyên với khổ tập là biết bệnh vô tận. Pháp Nghĩa duyên với đạo diệt là biết thuốc vô tận. Từ và nhạo thuyết là trao thuốc vô tận. Lại nữa, từ sinh diệt biện mà khởi vô sinh biện cho đến vô tác. Vô tác bốn biện tài như gió trên hư không, nói pháp Không chướng ngại nên nói là Không dứt.

Căn cứ quán tâm mà tu nghĩa bốn biện tài, thì nghĩa như giải thích có thể biết.

Từ “Bố thí”... đến “cụ túc” là phần khen riêng trí đức. Trở lại từ định tuệ mở ra bảy độ, từ định mở ra bốn tuệ khai phương tiện, nên nói là riêng. Nếu làm mười độ để đối với mười địa thì mở Thiên ra Lực và Nguyệt, mở Bát-nhã ra Phương tiện và Trí.

Nếu căn cứ theo giáo, thì đức theo bốn thứ Tứ đế. Tu bố thí... tức bốn giáo nói bảy độ vậy. Nói “không gì không đầy đủ” tức đều là Ba-la-mật. Ba-la-mật dịch là sự cứu cánh, cũng gọi là Đáo bỉ ngạn. Bố thí... cho đến phương tiện đều là sự lý cứu cánh kiến... Pháp giới của Đàn “bố thí” tức là bờ kia cứu cánh, nên nói không gì không đầy đủ.

- Quán tâm nói bảy độ, tức nhất tâm ba quán mà không thấy có xan tham và bố thí, cho đến không thấy có khéo hay vụng mà có thể khéo léo phân biệt xan tham và bố thí cho đến khéo vụng im lặng tự hiểu, tức không gì không đầy đủ.

Từ “Vô sở đắc... hai câu” là a, khen ngôi vị giải thích thành.

“Kịp” là nói đến khi... không khởi là Không khởi các phiền não nội ngoại, sinh tử không có cảnh để quán nên gọi là Không khởi pháp

nhẫn, tức là Đại vô sinh nhẫn, cũng gọi là Tịch diệt nhẫn. “Vô sở đắc”, là trong Đại phẩm có nói: “Không có gì được mà cho là được tức là được cái không có gì được.” Kinh Nhân Vương có năm nhẫn, Anh Lạc có bốn nhẫn, hai kinh tuy khác nhưng đều nói Tịch diệt nhẫn. Tịch diệt nhẫn có thượng hạ. Như Kim cang tâm thì gọi là hạ nhẫn, còn Phật địa thì gọi là thượng nhẫn. Nếu khai Thập địa riêng lấy Đẳng giác cũng có ba phẩm hạ, trung, thượng. Nay khen gần đến quả lại nói về kịp, tức là sẽ kịp hạ nhẫn vậy.

Căn cứ giáo mỗi giáo nói về bốn nhẫn, thì Tam tạng giáo không có văn mà nghĩa cũng có bốn nhẫn: A tăng kỳ kiếp đầu là Phục nhẫn, thứ hai, thứ ba là Thuận nhẫn, trăng kiếp là vô minh nhẫn, ba mươi bốn tâm là Tịch diệt nhẫn. Thông giáo thì căn tuệ là phục nhẫn, Tánh địa là Thuận nhẫn. Từ quả Tu-đà-hoàn cho đến địa thứ chín gọi là Vô sinh, Địa thứ mười như Phật thì gọi là Tịch diệt nhẫn.

Biệt giáo thì Thiết luân là phục nhẫn, ba mươi tám là Thuận nhẫn. Từ Sơ địa đến địa thứ chín là Vô minh nhẫn. Địa thứ mười Kim cang tâm gọi là Tịch diệt.

Viên giáo thì năm phẩm gọi là Phục, Thiết luân gọi là Thuận. Từ sơ trụ đến Địa thứ chín gọi là vô sinh, Thập địa kim cang tâm gọi là tịch diệt nhẫn.

Luận chung về Viên giáo, sơ tâm trở lên đều đủ bốn tên. Nên kinh Nhân Vương có nói: Từ sơ phát tâm đến Kim cang đánh đều gọi là Phục nhẫn. Phổ Hiền Hiền Thủ ý giống đây vậy.

Hỏi: Đoạn văn sau khen ngài Tịnh Danh chỉ nói vô sinh, phải biết không khởi pháp nhẫn chỉ là vô sinh, vì sao phải dùng tịch diệt mà giải thích không khởi pháp nhẫn?

Đáp: Ở nhân nương quả nói là vô sinh, nếu luận chung về vô sinh thì chỉ là tên khác của tịch diệt. Nên trong Đại kinh có nói: “Niết nói là bất sinh, Bàn nói bất diệt, là bất sinh bất diệt gọi là Đại Niết-bàn.” Nên văn kinh nói: “Pháp vốn không sinh nay thì không diệt”, đó là nghĩa của tịch diệt, như thế tịch diệt tức là vô sinh, còn nghi ngờ gì nữa.

Căn cứ theo quán tâm, thì một tâm ba quán ba đế hoặc không khởi, tức là tu không khởi pháp nhẫn. Nên kinh Pháp Hoa nói: “Mặc áo Như Lai”. Áo Như Lai tức là tâm nhu hòa nhẫn nhục vậy.

Từ “Đã có thể... trở đi” là, rộng khen về hóa tha, có hai phần:

1. Trong đủ pháp hóa tha.
2. Chính nói về hóa tha.

- Phần một, có ba:

- a. Nói về trong vốn đủ.
- b. Nói về ngoài vốn đủ.
- c. Giải thích chung nội ngoại.

Như Đại luận có nói: Trong đủ trí tuệ gọi là lực, ngoài dùng không khiếm sợ gọi là vô úy. Nếu trong mà trí không sáng, ngoài mà nghi cách không đủ, xử chúng có chỗ sợ sệt làm sao có thể khuất phục mọi người. Nếu trong ngoài đều hoàn bị thì chúng hóa độ đều theo.

a. Nói về trong đủ pháp hóa tha “nội cụ”, tức là đã có khả năng tùy thuận. Tùy thuận có ba là: Thuận Phật, thuận lý và thuận căn duyên.

Phật vì chúng sinh mà chuyển bốn pháp luân, Bồ-tát theo đó mà chuyển, tức là thuận Phật. Nhân duyên sinh diệt tức không giả trung, thuận lý mà hiểu, thuận hiểu mà nói, đó gọi là thuận lý. Căn tánh tuy nhiều nhưng không nằm ngoài bốn loài, ứng cơ không nhầm lẫn, nên gọi là thuận căn duyên.

Lại nữa, thuận hiểu mà nói là thuận thật trí, thuận chúng sinh mà nói là thuận quyền trí, thuận Phật phương tiện là thuận quyền thật hai trí. Nay nói tùy thuận là đủ cả ba nghĩa này.

Chuyển bất thoái chuyển pháp luân: Bốn thứ Tứ đế là thể của luân, dụng bốn Tất-đàn là chuyển. Có bốn thứ không thoái chuyển:

1. Sự bất thoái chuyển pháp luân sinh diệt Tứ đế.
2. Vị bất thoái chuyển vô sinh.
3. Hạnh bất thoái chuyển vô lượng.
4. Niệm bất thoái chuyển vô tác.

Nếu Tam tạng giáo thì chỉ là sự, Tam tạng giáo nói vị không thoái chuyển không cần đoạn kiết, chỉ nói là Không sinh bốn ác đạo, không thọ thân nữ, không sinh biên địa, các căn đầy đủ, được trí túc mạng, đủ năm việc này thì gọi là Bất trí.

Về Thông giáo từ sơ quả trở đi đều ngang ngôi vị của La-hán không còn thoái chuyển. Thất địa thì hạnh không thoái chuyển, Bát địa thì niệm không thoái chuyển.

Về Biệt giáo lấy Trụ, Hạnh, Hướng đối ba thứ bất thoái chuyển Địa chứng niệm bất thoái, Hướng chỉ tu mà thôi.

Về Viên giáo thì một tâm đủ ba bất thoái. Sơ trụ pháp thân không rơi vào ngôi vị trước, gọi là vị bất thoái. Đủ tất cả hạnh nên gọi là hạnh bất thoái. Niệm niệm đều lưu nhập tức là niệm bất thoái.

- Căn cứ ở biệt tướng ba quán, thì lấy không, giả, trung mà đối ba bất thoái. Căn cứ ba thứ mà xét riêng thì nghĩa này còn sơ sài. Nay căn cứ một tâm chánh quán trung đạo thì gọi là vị bất thoái. Cùng chiếu cả

hai đế thì gọi là hạnh bất thoái. Tự nhiên lưu nhập là niệm bất thoái.

“Khéo hiểu pháp tướng, biết rõ căn chúng sinh...” là khéo hiểu pháp tướng, là hiểu đúng như pháp tướng. Biết căn duyên chúng sinh gọi là biết bệnh. Khéo hiểu rõ thuốc của bốn thứ Tứ đế, biết rõ bốn bệnh của chúng sinh, lấy đó mà dạy người ắt không có lỗi sai căn cơ.

Trong mười lực thì có lực thị xứ phi xứ tức là hiểu đúng pháp tướng, có tri căn lực tức là biết căn chúng sinh đều là nội lực đầy đủ.

Từ “Vả lại các đại chúng...” “hai câu” là nói ngoài đủ pháp hóa tha. Dùng Vô duyên từ để bao trùm cả mười pháp giới nên nói trùm khắp các đại chúng. Lại chữ trùm khắp là nói đi sâu vào bốn thứ Tứ đế, thấu đạt đến chỗ cùng tột nhất.

Được Vô sở úy là từ bi phước tuệ luôn bao trùm tất cả, nên không có sợ sệt, tức là giải thích cái ngoại dụng của pháp vô khiếp vô úy vậy.

Từ công đức trí tuệ”... trở xuống là giải thích chung về nội ngoại của pháp tha hóa, có ba phần:

1. Giải thích nội tâm vô úy.
2. Giải thích ngoại dụng vô úy.
3. Kết thành vô úy.

- Hai câu đầu giải thích về nội tâm, đủ hai thứ trang nghiêm có thể làm sư tử hống mà giải thích nên nội tâm vô úy. Tâm tức là tâm tự tánh thanh tịnh, cũng gọi là pháp thân, phước tuệ có thể hiển sáng tâm tự tánh thanh tịnh. Nên nói lấy tu tâm trở lại dùng để trang nghiêm cho tâm tự tánh thanh tịnh, tức đầy đủ hai thứ trang nghiêm để trang nghiêm pháp thân. Phước tuệ của bốn giáo có ba quyền một thật, gồm chung các quyền thật này để tu tâm, nên tâm không có gì sợ hãi.

Từ “Tướng hảo... đến “sức hảo” là giải thích ngoại dụng pháp vô úy. Các chủng tánh sắc thân được mọi người tôn trọng như ngài Ca-chiên-diên nói việc gieo trồng nghiệp ba mươi hai tướng. Phước nhỏ mà gây được như thế đâu có gì lạ, nên không phải là bậc nhất.

Thông giáo căn cứ ở tướng chân tu, để lý chưa tột cùng nên tướng không phải là đệ nhất. Biệt giáo là Duyên tu, Duyên tu là trí chướng nên tướng cũng không phải bậc nhất. Viên giáo là tướng hảo, pháp thân nếu hiển bày tướng hảo đầy đủ, nên kinh Pháp Hoa có nói: Thấu suốt sâu xa tướng tội phước, chiếu khắp mười phương, tịnh pháp thân vi diệu đầy đủ ba mươi hai tướng. Pháp thân đầy đủ diệu tướng này chúng sinh không do đâu biết được. Vì hiển bày tướng này cho nên ở ứng thân mà thị hiện tướng bạch hào để biểu thị lý trung đạo, thị hiện tướng mắt biếc

để biểu thị vô duyên bi. Các tướng khác đều có biểu thị, cho nên biết tướng này tức là ba mươi hai tướng pháp thân.

Sắc tướng bậc nhất, tức là sắc pháp tánh. Đại kinh có nói: Diệu sắc rộng suốt luôn an trụ, không bị sinh, lão, bệnh, tử đời đời. Diệu sắc này đối trong các sắc là bậc nhất, hiện rõ các hình ảnh trong mười giới như châu như ý. Sắc ứng hiện biểu thị cho chân mà chân sắc là bậc nhất. Sắc của ứng thân Phật đối với sắc của hóa thân cũng là bậc nhất.

Từ “Xả các thế gian... hai câu” là giải thích chân tướng hảo ở trước, là Không phải bỏ vật trong suốt ở thế gian này. Nếu bỏ thứ đó thì ngoại đạo cũng làm được đâu đủ để khen. Nay nói bỏ là Bồ-tát của Tam tạng giáo bỏ cả đồ trang sức đẹp ở cõi trời, người, chủng tướng của trăm kiếp để làm đồ đựng Bồ-đề. Bồ-tát của Thông giáo bỏ tâm hữu sở đắc trang sức ở thế gian. Nên Đại luận phá tướng trăm kiếp. Kinh Kim Cang Bát-nhã nói: “Nếu dùng sắc để thấy ta, người ấy hành tà đạo”

Bồ-tát của Biệt giáo bỏ không tâm trang sức của nội giới, dùng duyên tu ngoại giới mà tu tướng hảo Bồ-tát của Viên giáo cho rằng nội ngoại giới tu đều là thứ trang sức thế gian đều phải xả bỏ. Pháp thân nếu hiển bày tức là chân tướng. Cho nên nói: Thân tướng hảo trang nghiêm là sắc tượng bậc nhất, đâu thể đồng với tu nhân trang sức thế gian hư vọng mà gọi là cao xa hơn cả núi Tu-di được.

- Kết thành, có hai phần: Kết ngoại và kết nội.

1. Hai câu đầu kết ngoại về vô úy: Bồ-tát ngoại đạo hóa khắp mười giới ở mười phương nên gọi là cao xa. Lại nên hiểu, Phật của Thông Biệt giáo như núi Tu-di, nay Phật Viên giáo có tâm Kim cang thì cao hơn hai giáo kia, cho nên nói hơn núi Tu-di... Lại núi Tu-di bên chắc cao xa như lý cao của pháp tánh bất động. Trí vô thượng có công hiển lý nên nói là vượt cao hơn núi Tu-di.

2- Từ “tin sâu bền chắc...” hai câu là, kết nội về pháp vô úy. Tín có hai thứ là nghe và chứng. Bốn giáo phân biệt mỗi thứ có theo thứ lớp. Nay chỉ căn cứ Viên giáo, nếu năm phẩm đệ tử một mực tin nghe tín lý ba đức bất tư nghị, thì sáu căn thanh tịnh cũng nghe và cũng được tương trợ chứng. Bậc sơ trụ trở lên cũng nghe và được phần chứng. Phật địa thì chỉ có chứng. Nay các Bồ-tát đã ở vị cao hai tín trọn vẹn sâu xa nên nói là tin sâu. Nói bền chắc là hai tín không bị trong ngoài hủy hoại. Cũng như đem kim cang mà ví với tin sâu. Kim cang có hai nghĩa:

1. Bén, cắt tận gốc, bên trong hợp với hai thứ bén tín, định, tuệ dùng để đến cùng thật tế.

2. Thế nó bền chắc muôn vật không thể phá hoại, ví cho hai tín

không bị các phiền não sinh tử làm hại.

Từ “Pháp bảo chiếu khắp...” là , chính nói về hóa tha. Có ba phần là:

1. Phóng quang thuyết pháp nói về hóa tha.
2. Chính nói pháp nói về hóa tha.
3. Nói môn tiến tu hóa tha.
  - Phần một lại có hai:
    - a. Chính nói về phóng quang thuyết pháp.
    - b. Giải thích phần a lại có ba:
      1. Phóng quang.
      2. Nói pháp.
      3. Giải thích khen.

Phóng quang: Nói Bồ-tát dùng bi trí duyên với lý ba để sinh ra pháp thiện quý báu, dùng đó hóa độ tất cả chúng sanh có duyên.

Nói “chiếu khắp” là nhập phóng quang Tam-muội và Phổ quang Tam-muội nên có thể chiếu khắp. Nếu là các phàm phu thì phải dùng thiện quang thế gian mà chiếu, nếu là xuất thế thiện và xuất thế thượng thượng thiện mà được hóa độ, thì Bồ-tát tùy chỗ đáng dùng Tam-muội nào để phóng ánh sáng pháp lành nào khiến được độ. Nên kinh Hoa Nghiêm Tư Ích và Đại phẩm đều nói: Đức Phật có ánh sáng tên là Vô xan, nếu phóng ánh sáng này chiếu đến các chúng sinh keo kiệt thì các chúng sinh đó liền thường bố thí... như thế các thứ lợi ích khiến họ được đạo. Nếu một luồng sáng trừ xan tham, một luồng sáng trừ sân là ý Biệt giáo, không gọi là chiếu khắp. Nếu phóng luồng sáng hai để cũng không gọi là khắp. Nay các Bồ-tát chỉ phóng một luồng sáng đầy đủ tất cả ánh sáng chiếu tất cả nơi, mười cõi chúng sinh đều được lợi ích, tùy căn cơ mà vào đạo, nên gọi là chiếu khắp.

Hỏi: Ánh sáng vì sao có thể phá ác sinh thiện?

Đáp: Ví như xông thuốc, khói gặp bệnh, khổ liền trừ, thân được an lạc. Ánh sáng chiếu vào cũng thế. Vì các ánh sáng này từ các pháp lành xuất ra, tùy chỗ gặp thì khổ liền hết. Nên vẫn nói dùng ánh sáng mà làm Phật sự.

“Mà mưa cam lộ”... là nói về nói pháp. Cam lộ là loại thuốc màu nhiệm các trời uống vào thì được bất tử. Trung luận nói: Thật tướng gọi là cam lộ Trời có thể khiến cho ba thừa đồng được Thánh đạo. Thật tướng cam lộ có hai thứ: Chân và trung. Chúng sinh tùy nên dùng thật nào và mưa cam lộ nào để độ thì đều khiến được lợi ích. Các Bồ-tát này chỉ nói trung đạo thật tướng cam lộ thì tùy thiên hay viên mà được lợi

không đồng nhau. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: Phật bình đẳng nói như mưa một vị tùy tánh chúng sinh thọ nhận không đồng.

- Từ “Đối chúng nói tiếng vi diệu bậc nhất”... là giải thích khen.

- Mưa cam lộ, mưa vì sao nói mưa pháp cam lộ? Vì có tiếng nói vi diệu. Như kinh Pháp Hoa nói: Muốn dùng một thứ tiếng nói vi diệu biến khắp cõi tam thiên, tùy ý liền đến. Thiết Luân vương còn được thế huống là bậc bồ xứ mà không thể dùng một thứ tiếng nói khắp đầy đủ tùy loại đều hiểu, khắp được lợi ích.

Từ “Phật trở đi... không ai hơn được” nên nói là tiếng nói vi diệu bậc nhất. Lại nên hiểu, vì là ngôn âm pháp tánh nên vi diệu bậc nhất.

Từ “Thâm nhập duyên khởi”... trở xuống” là giải thích thành việc phóng quang nói pháp, có hai phần:

1. Nói vào duyên khởi khen trí tuệ để giải thích thành.

2. Từ “đoạn các tà kiến” trở xuống... là khen Đoạn đức để giải thích thành.

Văn nói: Do đó phóng quang nói pháp lợi ích sâu khắp, thật là do trí mới có thể thâm nhập vào duyên khởi. Duyên khởi có hai:

a. Sinh tử duyên khởi tức là vô minh, mười hai nhân duyên, tất cả sinh tử.

b. Giải thoát duyên khởi, là quán nhân duyên thì trí khởi tất cả Phật pháp.

Nay nói “thâm nhập”, là thâm nhập sinh tử duyên khởi liền thành Phật pháp duyên khởi. Nên Đại kinh nói: Mười hai nhân duyên có bốn thứ quán, nếu người thâm nhập vào thì được trí thượng thượng thấy tánh rõ ràng. Nghĩa ấy thế nào? Vì nếu quán nhân duyên sinh diệt tức là ý của Tam tạng giáo, tức không là ý của Thông giáo. Vào Giả mà phá trần sa của nội ngoại giới và tiến nhập vào trung đạo để phá mười một phẩm vô minh là ý của Biệt giáo đều không phải là thâm nhập. Bồ-tát của Viên giáo nhất tâm Viên quán từ sơ trụ đến bồ xứ phá bốn mươi một phẩm, mới gọi là thâm nhập. Các Bồ-tát này đều nhập mười hai nhân duyên. Chánh báo duyên khởi cũng nhập y báo thành hoại duyên khởi. Vì đã thâm nhập nên có thể nói của nhân duyên thật tướng và nghĩa cam lộ thâm tín, ý cũng rất rõ ràng.

Từ “Đoạn các... đến các thói quen khác” là khen Đoạn đức. Giải thích phóng quang nói pháp, chỉ vì mình không có các hoặc ám tối nên có thể khắp phóng quang chiếu các chúng sinh tối ám. Chỉ vì tự mình không bị trói buộc nên có thể mưa cam lộ để mở trói cho chúng sinh, khiến họ dứt hết nhị biên tà kiến có không

Tà kiến có hai: Nội giới và ngoại giới. Nội giới có sáu mươi hai thứ đều thuộc có, không, ngoại giới các thứ kiến cũng thuộc có, không. Nay gồm chung nội giới thuộc hữu biên, ngoại giới thuộc biên không. Nên Đại kinh có nói: “Phàm phu thì có, Nhị thừa thì không, Bồ-tát rộng không cái có, rộng không cái không.” Chánh kiến trung đạo thì phá tất cả tà kiến nhị biên, nên nói đoạn dứt tất cả các tà kiến...

Lại giải thích: Chánh quán trung đạo phá hai biên Chân Tục, đến được Kim cang đỉnh, trí biên tế đầy đủ. Khi thể trung đạo hiển sáng thì ba hoặc mới hết.

Không còn các tập khí nữa: Viên giáo bắt đầu từ sơ trụ, chấm dứt ở Pháp vân địa, viên đoạn các kiến cũng còn các tập khí. Bạc Đăng giác vào Trùng huyền môn thiên vạn ức kiếp tu lại các hạnh, thấy lý rõ ràng, tập khí mới mỏng bớt, giống như khói nhẹ nên gọi là Không còn các tập khác. Như đổ ít muối xuống sông lớn thì không còn vị mặn. Nên trong Đại luận nói: Hai kiến Có, không diệt mất không còn. Các pháp thật tướng mà Phật nói thường chỉ nói đoạn dứt hai kiến nội giới là dùng nghĩa riêng của Địa luận. Bạc Đăng địa lìa chướng ngã tướng phàm phu đoạn hai kiến, có, không há được bỏ văn kinh này.

Hỏi: Đây có lỗi gì?

Đáp: Ở Tạng Thông, Kiến đạo liền đoạn các kiến, còn Đăng địa của Biệt giáo chỉ đoạn các kiến ngoại giới, đều không thể khen đức của bồ xứ. Kinh Ưu-bà-tắc nói: “Địa thứ chín thì đoạn kiến tập, Thập địa đoạn Ái tập.” Kinh Địa Trì nói: “Lìa tất cả kiến là tịnh thiên thanh tịnh.” Đây căn cứ vào bạc Đăng giác. Nay căn cứ theo đây để bỏ văn này, thì nghĩa đoạn trọn vẹn của một nhà chuyển rõ ràng.

Từ “Diễn pháp... đến quá lượng” là chính nói thuyết pháp khen hóa tha. Trước hết cùng nêu ra hai thí dụ để khen hóa tha thành tựu, sau đó khen ngợi chung công đức hóa tha.

Trước nêu thí dụ sư tử rống gọi là lời nói quyết định, quyết định nói: “Các chúng sinh đều có Phật tánh.” Diễn pháp vô úy là: Diễn giảng rộng lớn tâm không sợ sệt gọi là vô úy. Có thể đối với bốn thứ bất khả thuyết mà dùng bốn Tất-đàn phó duyên rộng giảng bốn lộ được không có gì sợ sệt, như lúc sư tử rống lên không phải chỉ không sợ hãi đối với cầm thú mà còn khiến cho loài hươu tượng vãi ra phân ướm đất, và loài đang bay phải rơi xuống. Tức các Bồ-tát này khi diễn giảng pháp môn cam lộ không chỉ tâm không sợ sệt đối với các ngoại ma và chúng sinh, mà còn khiến các ngoại ma đã phần ướm ái kiến, kẻ có tâm cao ngạo phải hàng phục, cũng khiến cho tất cả ái kiến đều dứt hết. Việc diễn



giảng của các ngài như sấm sét. Thí dụ thứ hai là tuôn xuống mưa pháp am lộ khiến sinh pháp lành. Như Đại luận nói đầy đủ bốn loại pháp sư. Sấm sét là dụ người học rộng, mưa là dụ cho hạnh tốt, có đầy đủ trong văn luận. Nay dùng sấm là để nói làm cho sợ hãi trốn mất, dùng mưa là nói được thấm nhuần sinh trưởng. Nói pháp cam lộ. Nói cam lộ pháp vũ, sấm vang tám âm dùng để làm kinh sợ đám côn trùng Nhị thừa tà kiến khiến tất cả mầm móng thiện căn nảy sinh, tức, bảo là nghĩa ba thứ cỏ, hai thứ cây cùng sinh trên một thứ đất, khiến tất cả thiện căn đời trước của người tu hành phát hiện ra.

Từ “Không lường... đã quá lượng”... hai câu là khen chung công đức hóa tha.

“Không lường” đây là nói các Bồ-tát có các thứ thần thông, trí tuệ, phóng quang, nói pháp để hóa độ mười phương không có hạn lượng, bảy thứ phương tiện cũng không lường được. “Đã quá lượng” là số lượng đông đảo của Thập địa Viên giáo hóa độ.

- Từ “Tập chúng pháp bảo...” trở xuống là nói tiến tu pháp hóa tha. Nói các Bồ-tát tuy công lao hóa độ rất lớn, nhưng chưa chứng được quả tột cùng, còn phải tiến tu pháp hóa tha, tức là bậc Đẳng giác ngàn vạn ức kiếp phải vào Trùng huyền môn để tu hạnh hóa tha. Trùng huyền môn, kinh Địa Trì nói: “Nhập vào, trụ khởi lực thiền, xả ra lại nhập vào lực thiền.” Nhập, là từ tâm phàm phu mà nhập vào tất cả pháp môn cho đến những địa trên. Khởi lực, tức là từ bậc Đẳng giác mà khởi nhập vào tất cả pháp môn. Trụ, tức là tùy trụ ở một pháp môn liền trụ tất cả pháp môn. Xả lại vào lực, là trăm ngàn vạn ức kiếp tu lại. Cho nên trong kinh Pháp Hoa ngài Di-lặc khen Bồ-tát ở hạ phương rằng: “Khéo vào ra và trụ ở vô lượng trăm ngàn Tam-muội...” như người dẫn đường trên biển, là khi dẫn dắt mọi người vào biển tìm châu báu thì mọi người đều được báu, cũng là mình được. Bồ-tát vào biển sinh tử không phải chỉ khiến chúng sinh được báu vật Phật pháp mà công hóa độ người quy cho mình vào Trùng huyền môn, pháp lợi cũng rất nhiều. Nên kinh này nói: Không vào biển lớn thì sao có được bảo châu vô giá. Bồ-tát không vào biển cả phiền não thì không được ngọc báu Nhất thiết trí. Thấu suốt các pháp là khi vào Trùng huyền môn thì nội tuệ tăng tiến hiểu biết thấu suốt, là tên khác của trí. Các pháp tức là pháp của mười giới. Nghĩa thâm diệu, tức là pháp mười pháp giới, hai đế, ba đế lý rất thâm sâu, nên gọi là sâu. Thấy ba đức không ngang không dọc nên gọi là diệu.

Từ “Khéo biết... đến sở hành”, hai câu này là chính nói Bồ-tát trụ ở Trùng huyền môn, tiến thêm thì ngoại đạo thấy được căn duyên

chúng sinh hóa độ. Các Bồ-tát này được chân Thiên nhãn thường ở trong Tam-muội, không dùng hai tướng để thấy các chúng sinh.

Chết đây sinh kia gọi là vãng, chết kia sinh đây thì gọi là lai.

Nói chỗ đến là biết rõ nhân của nghiệp duyên thiện ác mà có quả đến thọ sinh cái báo tốt xấu”. Và tâm sở hành, là dùng lực chủng trí biết rõ tập nhân đã làm đời trước. Ba thứ cỏ, hai thứ cây, một thứ đất sinh ra căn tánh không đồng. Ba thứ cỏ, hai thứ cây tức là bảy thứ phương tiện. Một thứ đất sinh ra tức căn duyên của Viên giáo. Trước nói dùng thuốc nay nói biết bệnh. Đã biết thuốc biết bệnh tức có thể theo bệnh mà cho thuốc. Cho nên biết trụ ở Trùng huyền môn thì đức hóa tha càng chuyển thêm sâu lớn.

Từ “Gần bậc Vô đẳng đẳng... trở đi là căn cứ ở gần lân quả khen đức, có ba phần:

1. Khen tự thành.
  2. Khen hóa tha.
  3. Giải thích chung.
- Phần một lại có hai:
- a. Khen Trí đức.
  - b. Khen Đoạn đức.

Phần a có hai: chung và riêng.

- Khen chung về Trí đức tự hành, tức gần trí tuệ của Phật không bậc nào bằng. Nói vô đẳng đẳng là Không ai ngang bằng với mười phương chư Phật. Nay bằng chư Phật nên nói là vô đẳng đẳng.

Xét theo lý, thì lý của thật tướng không thể ngang bằng, chỉ Phật chủng trí viên cực mới có thể bằng thật tướng, nên nói là vô đẳng đẳng.

Lại nếu Sơ trụ của Viên giáo, tuy đã phát được chân kiến, lý đáng được pháp vô đẳng, nhưng cũng còn bốn mươi một phẩm vô minh cách Diệu giác còn xa, nên không gọi là ở gần quả “lân quả”. Căn cứ ở Phật và lý cũng không phải gần vô đẳng đâu được gần vô đẳng đẳng. Bồ-tát Kim cang tâm căn cứ ở Phật và lý đều gần nên nói gần vô đẳng, kiến lý đã viên mãn thì gọi là vô đẳng đẳng. Nếu xét theo giáo thì có thể biết.

Mười Lực vô úy, mười tám bất cộng là khen riêng về trí đức tự hành như Đại Luận có giải thích:

- Phần này có hai:
- a. Nói Bồ-tát tự có vô úy bất cộng.
  - b. Nói Bồ-tát được một phần Phật lực vô úy bất cộng.

- Bạc bố xứ như trăng ngày mười bốn, còn Đức Phật như trăng ngày rằm, rất gần nhau.

Nếu xét theo giáo, như Tam tạng giáo nói thập lực vô úy thì tên gọi là đồng Đại thừa. Luận Tỳ-đàm nói pháp bất cộng riêng lập tên gọi là giáo. Nên Đại Luận bác rằng: “Tên gọi Lực vô úy đã đồng Đại thừa thì pháp Bất cộng vì sao không được riêng lập?”. Nay chỉ dựa theo việc đoạn phục để phân biệt sự dị đồng mà danh nghĩa không phương hại.

Về Thông giáo y cứ theo chiếu hai đế, bát địa một phần được mười tám lực Vô úy đẳng nên nói là gần vô đẳng. Thập Địa thì như Phật nên gọi là vô đẳng đẳng. Sơ địa của biệt giáo một phần được mười Lực đẳng pháp nên gọi là gần vô đẳng. Còn Thập địa thì được mười Lực đẳng pháp nên gọi là vô đẳng đẳng. Về Viên giáo, bậc Sơ trụ trở lên một phần được Lực vô úy bất cộng đẳng pháp nên gọi là gần vô đẳng. Kinh Hoa Nghiêm nói: Sơ trụ là được thị xứ phi xứ ... Thập lực trí của Như Lai. Nay lấy đến vị Đẳng giác cho đến gần vô đẳng là gần mười lực Vô úy của Phật vậy. Nhân dụng đã viên mãn tức vô đẳng đẳng, các giáo trước đều chẳng phải.

Nói trí tuệ tự tại của Phật, tức trong trí tuệ Phật không có vô minh nhưng nên rất ráo tự tại. Bồ-tát tuy có vô minh cũng như làn khói nhẹ sắp được Phật tuệ nên lấy đây mà khen.

Phần b. Đóng chặt tất cả cửa ác thú, đây là khen đoạn dứt trong tự hành.

Cửa ác thú, “nẻo ác” ác thú tuy nhiều nhưng không ngoài hai thứ duyên tập. Tạng Thông thấy Không đóng chặt cửa có là ác thú, Biệt Viên thấy bất không đóng chặt cửa vô vi ác thú. Các Bồ-tát này thấy nguồn gốc Trung đạo mà đóng chặt tất cả các cửa có, không ác thú hoặc đây là ngợi khen việc hóa tha đóng chặt các cửa ác thú của chúng sinh.

Từ “Mà sinh... đến phục hành” là phần hai khen về hóa tha. Nếu triển khai thêm Tu-la tức là Lục đạo. Nếu là Tam tạng giáo còn các kiết hoặc thì nguyện sinh hoặc dùng thần thông hiện thân ở năm đạo, “Trời, người, Địa ngục, Ngạ quỷ, súc sinh) ở cõi nhiễm tịnh mà giáo hóa chúng sinh. Thông giáo, thì Thất địa, kết nội giới đã hết nguyện chống đỡ các tập khí còn lại mà hiện thân ở năm đạo cũng dùng thần thông mà sinh Biệt Trụ trở lên và Viên trụ trở lên được một thân và vô lượng thân thanh tịnh diệu pháp thân rộng suốt ứng với tất cả, tức là hai mươi lăm lực Tam-muội giúp sinh hai mươi lăm hữu vậy. Nay Bồ-tát ấy do từ thiện ngầm hun đúc tùy cơ ứng hiện vào năm đạo để độ sinh. Về

nghĩa luận thì cũng hiện thân vào các cõi ngoại giới để hóa độ chúng sinh ấy.

“Làm Đại y vương khéo trị lành các bệnh của chúng sinh”, là đã sinh vào năm đạo, ắt có ý ở chỗ lợi vật trị bệnh cho chúng sinh. Đối Tiểu nói Đại. Bồ-tát của Ba giáo và hạ địa của Viên giáo đều là Tiểu. Sức trị bệnh của các Bồ-tát này có lực dụng gần như Phật, nên gọi là Đại y vương, trị các nghiệp bệnh bất thiện ở nội ngoại giới “trong ngoài tam giới”.

Theo bệnh mà cho thuốc, tức là dùng bốn Tất-đàm nói bốn thứ pháp được.

Nay khiến được phục hành, tức là chúng sinh nghe pháp, đoạn bỏ các kết nội ngoại giới mà được Thánh đạo giải thoát, Đại Tiểu thừa.

Từ “Vô lượng công đức... đến không lường uổng” là giải thích chung xác lập khen đức gần quả “vô lượng công đức đều thành tựu” là giải thích phần tự hành đã viên mãn.

“Có vô lượng cõi Phật đều được nghiêm tịnh”, là giải thích việc hóa tha đã hoàn mãn.

“Thấy nghe đều được lợi ích” là Pháp thân không phải sắc không phải thinh, tùy cảm mà thấy nghe ấy được lợi ích, làm cho được niềm vui thế gian và xuất thế gian. “Có các nường nhờ cũng không lường uổng”, tức là uổng phí bỏ đi, cũng là mất.

Giải thích về tự hành, là tùy tâm sở hành tự nhiên khéo lý, ắt thành tựu được nhân thù thắng, cảm được quả không mất, nên nói là Không lường uổng.

Giải thích về hóa tha, là chúng sinh tuy không vào Đệ Nhất nghĩa mà không mất ba Tất-đàn, hưởng về sinh thiện phá ác được lợi ích và công hóa độ quy về mình cũng không lường uổng.

“Như thế tất cả công đức đều đầy đủ” là tổng kết xác nhận phần khen Đức: như trên đã khen tất cả đều thành tựu. Nếu y cứ Nam Bắc mà trích cú phối với các địa thì đâu được tất cả đều đầy đủ. Một nhà giải thích lý tự ngầm hiểu. Lại có giải thích công đức của Bồ-tát vô lượng, biên không như trên đã khen chỉ mấy mươi câu đâu thể kể đủ.

Từ “Tên gọi đó... xuống đến là Pháp vương tử là lập nhiều tên gọi làm chứng xác nhận hạng đồng nghe pháp. Tuy khen thắng đức mà không nêu tên thì chẳng biết là ai. Nên lược nêu ra năm mươi hai người để làm chứng cứ là tầng nghe pháp.

Nếu y cứ theo bốn giáo thì việc trở thành rườm rà dài dòng. Nay tóm lược xét theo ba quán mà giải thích tên thì đủ biết đại khái đẳng là

dùng hai quán nhập vào trung, tức là bình đẳng, nên gọi là đẳng quán. Bất đẳng là chỉ chiếu vào hai đế vô lượng khác biệt không là đẳng quán. đẳng bất đẳng, là chánh quán Trung đạo cùng chiếu cả hai đế. Vào trung, gọi là đẳng chiếu hai bất đẳng, thể dụng hợp luận, gọi là đẳng bất đẳng. Cần phải dùng sáu tức thì không lộn xộn.

Tất cả chúng sinh tức là thật tướng gọi là lý đẳng quán. Nghe tên thật tướng hiểu sâu lý đó, là danh tự đẳng quán. Nếu quán Trung đạo mà thấu suốt vô ngại tức là quán hạnh đẳng quán. Phát ra hiểu biết tương tự tức là tương tự đẳng quán. Nếu phát ra sáng suốt chân thật thì gọi là phần chứng đẳng quán. Cùng tột nguồn thật tướng gọi là cứu cánh đẳng quán. Nay thứ này chính là ngôi vị phần chứng gần với cứu cánh nên gọi là Đẳng quán.

Không được nghe quán tâm tức thị mà lại càng hỗn loạn sinh Tăng thượng mạn thì làm Bồ-tát Chiên-đà-la. Nếu không nhận lời nói này tức là Không tin lời nói của các kinh Đại thừa liễu nghĩa. Từ sau đây trở đi dưới mỗi mỗi tên đều thêm “Một tâm ba quán”, sau đó mới y theo văn. Như nói: Một tâm ba quán tức hay quán tâm tánh...

Định tự tại vương là chủ thể quán tâm tánh gọi là thượng định, khi được thượng định này đối với tất cả pháp liền được tự tại như vua trên đời. Pháp Tự tại là chánh quán ba đế, tâm không trệ ngại, nên ở nơi pháp mười pháp giới mà được tự tại. Pháp tướng là quán pháp tướng ba đế của mười pháp giới. Quang minh là ánh sáng tuệ này có thể hiển bày thật tướng. Quang nghiêm là tâm trí sáng suốt để trang nghiêm pháp thân. Đại nghiêm là quán về tâm tánh, tánh nó rộng lớn cũng như hư không, dùng cảnh lớn trí lớn để trang nghiêm Pháp thân. Bảo Tích là quán tâm tuy Không mà đầy đủ muôn hạnh, các báu muôn hạnh chứa nhóm ở lý nên gọi là Bảo tích. Biện tích, là cùng pháp tánh tương ứng tức tích chứa đủ cả bốn biện. Bảo thủ, là quán tâm thành tựu liền đủ cả tay báu quyền thật hai trí. Bảo ấn thủ là quán thật tướng ấn. Ấn quán tay trí. Thường Cử Thủ, tức chính quán tâm ở trên tay mà cầu Phật quả. Thường Hạ Thủ, là tay quán trí dùng đại Từ vô duyên mà hóa độ chúng sinh. Thường Thẩm, là trụ trong chánh quán, tâm thương xót chúng sinh. Hỷ căn, là được Như Lai tạng, tâm khắp mừng lớn. Hỷ vương, là được hỷ trung pháp sở nguyện được tự tại như vua ở đời. Biện âm, là phân biệt trong mười cõi các nơi chốn và tiếng nói khác nhau mà đều thấu suốt vô ngại. Hư không tạng, là quán về tâm tánh, cũng như hư không chứa nhóm các thứ, mới gọi là tạng. Chấp bảo cự, là quán đạo phẩm, đốc báu chiếu sáng nguồn tâm. Bảo đồng là thấy các pháp báu thì đối

với sinh tử ý luôn mạnh mẽ. Bảo kiến là quán thật tướng báu thấy tánh rõ ràng. Đế vông, ví như mắt lưới của Đế thích có vô lượng, chính quán ba đế đầy đủ vô lượng lưới các pháp để lưới lấy các phiền não và các chúng sinh. Minh vông, là chính quán tâm tánh, lưới trí và lưới ánh sáng lưới lấy các phiền não và các chúng sinh. Vô duyên quán, là quán tâm tánh, chân tu thì thể hiển sáng, không duyên không niệm, vắng lặng mà thường quán chiếu. Tuệ tích, là quán về thật tướng đầy đủ nhóm trí tuệ. Bảo thắng, là báu của chánh quán, là báu của phương tiện hơn hết. Thiên vương, là được Đệ nhất nghĩa thiên, tự tại như vua. Hoại ma, là quán về tâm tánh luôn phá bỏ được tám ma hai biên. Lôi đức, là thấy Trung đạo nhanh chóng, liền thành ba đức, như ban đêm thấy sấm chớp liền được thấy đường đi. Tự tại vương, là được tánh chân ngã, đối với tất cả pháp tự tại như vua. Công đức tướng nghiêm, là chính quán tâm tánh đủ tất cả pháp để trang nghiêm pháp thân. Sư tử hống, là được thấy Phật tánh hành tự Sư tử hống Tam-muội. Lôi âm, là chánh quán tâm tánh Trung đạo, học rộng hạnh tốt như tiếng vang của sấm sét làm kinh sợ tất cả những loại trùng lạnh nhị biên. Sơn tướng kích âm, là như hai núi chạm nhau có tiếng vang truyền khắp bốn phương. Cảnh trí tương ứng sinh ra tiếng vang của bốn biện. Hương tượng, là Không có sự hôi độc của phiền não có khả năng dùng sức Từ mà gánh vác tất cả. Bạch hương tượng, là gốc pháp tánh vốn không đen xấu. Lý tịnh và trí tịnh, hương năm phần thân khởi các từ bi mà gánh vác tất cả như hương tượng trắng. Thường tinh tấn, là khi thấy được pháp tánh thường thành tựu vô tác chánh cần. Bất hưu tức, là quán không và bất không, không trụ vào hóa thành thiên không mà nghỉ ngơi. Diệu sinh, là đối với tâm tánh không sinh thì tất cả pháp cũng không sinh, mà Bát-nhã diệu sinh. Hoa nghiêm, là hoa nhân, phước tuệ trang nghiêm cho pháp thân. Quán thế âm, như Thỉnh Quán Âm có nói: quán ở tâm mạch khiến tướng ở một chỗ liền thấy Đức Quán Thế Âm. Đắc Đại Thế Chí, chính lúc quán tâm tánh mà hàng phục các ma oán và ngoại đạo của nội ngoại giới. Phạm vông, là khi chánh quán Pháp vông thanh tịnh thì lưới được các phiền não và tất cả chúng sinh. Bảo Trượng, là đủ cả hai thứ phước tuệ đem làm gậy báu để sách tấn tiến đến quả Bồ-đề. Lại nói: Chúng sinh dựa vào gậy mà cầu vào Trung đạo. Vô thắng, là được trí tuệ thế xuất thế của pháp thật tướng không ai hơn nổi. Nghiêm độ, là tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Kim kế, là trí tuệ thật tướng sáng rõ như vàng. Kế “búi tóc”, là quyền trí dùng để trang nghiêm trên đầu tâm, nên gọi là Kim kế. Châu kế, tức là thật tướng trí tuệ, như vua Pháp Hoa mở lấy minh châu

trong búi tóc đem cho. Người cho, là quyền trí. Di-lặc, là được Từ vô duyên gồm nhiếp tất cả. Văn-thù-sư-lợi, là nếu thấy Phật tánh liền đủ ba đức, không dọc không ngang, nên gọi là Diệu Đức... Như thế... các Bồ-tát tùy quán mà đặt tên để dẫn dắt mọi người quy tâm. Một người đều đủ tất cả quán môn, danh tự thông nhau, tức là chữ đồng, lời đồng, thân đồng, pháp đồng... Hiểu như thế, tức ở trong tâm quán mà thấy các Phật, Bồ-tát. Nên kinh Pháp Hoa nói: “Nếu có người tin lời các ông nói thì là thấy Ta cũng thấy các ông, Tỳ-kheo Tăng và các Bồ-tát”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Mười phương các Như Lai đồng cùng một pháp thân, một kiến, một trí tuệ, lực vô úy cũng thế. Cho nên chư Phật và Bồ-tát đều căn cứ ở quán tâm mà nói.

Hỏi: Phàm phu quán tâm sao được dùng nghĩa giải thích về Phật và Bồ-tát?

Đáp: Kinh này có nói: Giải thoát của chư Phật phải tìm cầu trong tâm hành của chúng sinh, nếu chấp chặt danh tự lìa bỏ tâm mà cầu giải thoát của chư Phật và Bồ-tát thì có thể nói đó như ôm đá nhảy xuống vực sâu, đi chơi đêm mà bỏ đuốc.

“Như thế... Ba vạn hai ngàn người”, là đoạn lớn thứ năm kết số chúng.

Hỏi: Các Bồ-tát này nhất định đều là vị Thập địa Đẳng giác chăng?

Đáp: Các Luận sư Bắc phương nói từ Sơ địa đến Thập địa. Còn các Sư ở phương Nam thì nói là Bát, Cửu và Thập địa. Lại có Sư theo như Đại phẩm mà nói đều là bậc Bồ xứ. Nay nói không phải thế. Trước đã nói về bốn tích cao thấp chẳng thể lường thì sao cần phải phán quyết là nhất định?

